

Luật số: /2024/QH15

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

DỰ THẢO 2

LUẬT
THỦ ĐÔ

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
Quốc hội ban hành Luật Thủ đô.

Chương I**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Luật này quy định vị trí, vai trò, trách nhiệm của Thủ đô; tổ chức chính quyền Thủ đô; xây dựng, phát triển, quản lý và bảo vệ Thủ đô; tài chính, ngân sách và huy động nguồn lực đầu tư phát triển Thủ đô; liên kết, phát triển Vùng Thủ đô.

Điều 2. Vị trí, vai trò của Thủ đô

- Thủ đô nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là Hà Nội.
- Thủ đô là trung tâm chính trị - hành chính quốc gia, nơi đặt trụ sở của các cơ quan trung ương của Đảng, Nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội, cơ quan đại diện ngoại giao, tổ chức quốc tế; là trung tâm lớn về văn hóa, giáo dục, khoa học và công nghệ, kinh tế và giao dịch quốc tế của cả nước.
- Trụ sở cơ quan trung ương Đảng, Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ đặt tại khu vực Ba Đình thành phố Hà Nội.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- Cơ chế thử nghiệm có kiểm soát** là một môi trường thử nghiệm hạn chế, được giới hạn về phạm vi, thời gian và đối tượng tham gia trong lĩnh vực sản xuất, đầu tư, kinh doanh mà chưa có quy định của pháp luật hoặc cần thiết phải thực hiện khác với quy định của pháp luật hiện hành. Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội ban hành quy định cụ thể về cơ chế thử nghiệm có kiểm soát để áp dụng trên địa bàn Thành phố.

2. *Chương trình, dự án trọng điểm của Thủ đô* là các chương trình, công trình, dự án có quy mô lớn, có vai trò tạo động lực, sức lan tỏa, kết nối để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội của Thủ đô, có ý nghĩa lớn đối với phát triển kinh tế - xã hội của Thủ đô, Vùng Thủ đô.

3. *Chương trình, dự án trọng điểm của Vùng Thủ đô* là các chương trình, công trình, dự án có quy mô lớn, nằm trên địa bàn của hai tỉnh, thành phố trở lên hoặc của một tỉnh, thành phố thuộc Vùng Thủ đô nhưng có tác động đến ít nhất một tỉnh, thành phố khác trong Vùng Thủ đô, có vai trò tạo động lực, sức lan tỏa, kết nối để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội của Vùng Thủ đô.

4. *Đô thị thông minh* là đô thị hoặc khu vực cư dân đô thị ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông và các công nghệ tiên tiến khác trong quản trị, điều hành đô thị, quản lý nguồn lực, cung cấp dịch vụ, nâng cao chất lượng cuộc sống và làm việc của cư dân đô thị, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ môi trường.

5. *Đô thị trung tâm* gồm khu nội đô lịch sử và các quận có ranh giới tiếp giáp, liên tục với khu nội đô lịch sử được xác định trong Quy hoạch chung Thủ đô.

6. *Đô thị vệ tinh* là đô thị gồm các quận, thị xã, thành phố thuộc thành phố Hà Nội, phường, thị trấn có khoảng cách, không gắn liền với đô thị trung tâm, được xác định trong Quy hoạch chung Thủ đô; có chức năng hỗ trợ cho đô thị trung tâm.

7. *Dự án khởi nghiệp sáng tạo* là dự án sản xuất, kinh doanh dựa trên khai thác tài sản trí tuệ, công nghệ, mô hình kinh doanh mới, có khả năng tăng trưởng nhanh về quy mô khách hàng, thu nhập, lợi nhuận, có thể đem lại các giá trị to lớn cho sự phát triển kinh tế - xã hội của Thủ đô và đất nước.

8. *Khu thúc đẩy thương mại và văn hóa* là khu vực tập trung các hoạt động dịch vụ, thương mại với các điều kiện về an ninh, trật tự, bảo vệ môi trường cao hơn so với quy định chung để thu hút du lịch, thúc đẩy các hoạt động thương mại trên địa bàn, cải thiện đời sống dân cư, bảo tồn các ngành, nghề truyền thống. Khu thúc đẩy thương mại và văn hoá được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt theo đề xuất của cộng đồng dân cư, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn và doanh nghiệp được lựa chọn vận hành khu thúc đẩy thương mại và văn hoá.

9. *Khu nội đô lịch sử* là khu vực bảo tồn di sản văn hóa Thăng Long, các giá trị truyền thống của người Hà Nội được xác định trong Quy hoạch chung Thủ đô.

10. *Nông nghiệp sinh thái* là mô hình nông nghiệp bền vững, chú trọng đến sự

tương tác giữa các yếu tố môi trường, xã hội và kinh tế nhằm bảo vệ môi trường, hệ sinh thái vừa tạo ra các sản phẩm sạch, an toàn với sức khỏe của con người.

11. *Nhà đầu tư chiến lược* là nhà đầu tư có năng lực tài chính, quản trị, công nghệ nguồn hoặc đi đầu trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, y tế, văn hoá, giáo dục, bảo vệ môi trường, được lựa chọn tham gia đầu tư vào các chương trình, dự án trọng điểm và các dự án nằm trong danh mục dự án, ngành nghề thu hút nhà đầu tư chiến lược của Thủ đô Hà Nội.

12. *Phát triển theo định hướng giao thông công cộng (TOD)* là mô hình phát triển đô thị trên cơ sở định hướng phát triển hệ thống giao thông công cộng, lấy đầu mối giao thông làm điểm trung tâm để phát triển đô thị nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng đất, công trình công cộng, giảm ùn tắc giao thông và ô nhiễm môi trường.

13. *Vùng phát thải thấp (LEZ)* là khu vực yêu cầu một số loại hình sản xuất, kinh doanh, phương tiện giao thông, công trình xây dựng có khả năng gây ô nhiễm bị hạn chế hoạt động, hoặc phải bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn về môi trường cao hơn so với quy định chung.

14. *Vùng Thủ đô* gồm Thủ đô Hà Nội và các tỉnh Phú Thọ, Vĩnh Phúc, Thái Nguyên, Bắc Giang, Bắc Ninh, Hưng Yên, Hải Dương, Hà Nam, Hòa Bình.

Điều 4. Áp dụng Luật Thủ đô

1. Trường hợp có quy định khác nhau giữa Luật Thủ đô và luật, nghị quyết khác của Quốc hội về cùng một vấn đề thì áp dụng quy định của Luật Thủ đô. Trường hợp Luật Thủ đô không có quy định thì áp dụng quy định của pháp luật hiện hành.

2. Trường hợp luật, nghị quyết khác của Quốc hội ban hành sau ngày Luật Thủ đô có hiệu lực có quy định cơ chế, chính sách thuận lợi hơn cho xây dựng, phát triển, bảo vệ Thủ đô thì việc áp dụng do Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quyết định.

Điều 5. Trách nhiệm xây dựng, phát triển và bảo vệ Thủ đô

1. Xây dựng, phát triển và bảo vệ Thủ đô là nhiệm vụ thường xuyên, trực tiếp của các cấp chính quyền và nhân dân thành phố Hà Nội; là trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, các lực lượng vũ trang và Nhân dân cả nước.

2. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên động viên mọi tầng lớp nhân dân trong nước, người Việt Nam ở nước ngoài tham gia xây dựng, phát triển và bảo vệ Thủ đô.

3. Nhà nước ưu tiên đầu tư và có chính sách thu hút các nguồn lực để phát huy tiềm năng, thế mạnh của Thủ đô, Vùng Thủ đô xây dựng, phát triển và bảo

vệ Thủ đô.

Điều 6. Trách nhiệm của Thủ đô

1. Xây dựng, phát triển Thủ đô văn hiến, văn minh, hiện đại, tiêu biểu cho cả nước.

2. Bảo đảm an toàn, thuận lợi cho hoạt động của các cơ quan trung ương của Đảng, Nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội, cơ quan đại diện ngoại giao, tổ chức quốc tế và cho việc tổ chức các chương trình, sự kiện quốc gia, quốc tế trên địa bàn Thủ đô.

3. Chủ động phối hợp và hỗ trợ các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong Vùng Thủ đô và cả nước thông qua việc mở rộng các hình thức liên kết, hợp tác cùng phát triển.

4. Chủ động, tích cực mở rộng quan hệ, hợp tác hữu nghị với thủ đô các nước, tranh thủ các nguồn lực bên ngoài để xây dựng, phát triển Thủ đô; tạo điều kiện thuận lợi để các cơ quan, tổ chức, người dân Thủ đô tham gia các hoạt động giao lưu và hợp tác quốc tế trong các lĩnh vực kinh tế, văn hóa - xã hội, giáo dục, khoa học và công nghệ.

Điều 7. Biểu tượng của Thủ đô

Biểu tượng của Thủ đô là hình ảnh Khuê Văn Các tại Văn Miếu - Quốc Tử Giám.

Điều 8. Danh hiệu Công dân danh dự Thủ đô

1. Danh hiệu Công dân danh dự Thủ đô được trao tặng cho người nước ngoài có đóng góp trong việc xây dựng, phát triển và bảo vệ Thủ đô hoặc trong việc mở rộng, tăng cường tình đoàn kết hữu nghị, quan hệ hợp tác quốc tế của Thủ đô.

2. Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định thẩm quyền, điều kiện, trình tự, thủ tục tặng, thu hồi danh hiệu Công dân danh dự Thủ đô.

3. Các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị, tổ chức xã hội, xã hội - nghề nghiệp có trách nhiệm phát hiện, giới thiệu, đề nghị Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội xét và tặng danh hiệu Công dân danh dự Thủ đô.

Chương II

TỔ CHỨC CHÍNH QUYỀN TẠI THỦ ĐÔ

Điều 9. Tổ chức chính quyền tại Thủ đô

1. Chính quyền địa phương ở thành phố Hà Nội, quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc thành phố Hà Nội, xã, thị trấn gồm Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân.

2. Chính quyền địa phương ở các phường tại thành phố Hà Nội là Ủy ban nhân dân phường.

Ủy ban nhân dân phường là cơ quan hành chính nhà nước, hoạt động theo chế độ thủ trưởng, thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Luật này và theo phân cấp, ủy quyền của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố thuộc thành phố Hà Nội, quận, thị xã; ủy quyền của các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính cấp Thành phố, quận, thị xã, thành phố thuộc thành phố Hà Nội.

Điều 10. Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội

1. Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH15, quy định khác của pháp luật có liên quan và có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a)

Phương án 1: Quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể Sở An toàn thực phẩm; Đội quản lý trật tự xây dựng tại các quận, huyện, thị xã;

Phương án 2: Quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể Sở An toàn thực phẩm; Đội quản lý trật tự xây dựng tại các quận, huyện, thị xã và một số cơ quan chuyên môn đặc thù, tổ chức hành chính đặc thù thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, quận, huyện, thị xã;

b) Quyết định biên chế cán bộ, công chức; số lượng viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập căn cứ vào khung danh mục vị trí việc làm do cơ quan có thẩm quyền quy định, quy mô dân số, yêu cầu nhiệm vụ và khả năng cân đối ngân sách của thành phố Hà Nội;

c) Các nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể khác quy định tại Luật này.

2. Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội được bầu 125 đại biểu, trong đó có ít nhất 25% số đại biểu hoạt động chuyên trách.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội gồm Chủ tịch Hội đồng nhân dân, không quá 03 Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân và các Ủy viên là Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội, Trưởng ban của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội.

4. Ban của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội gồm Trưởng ban, không quá 02 Phó Trưởng ban và có tối đa 04 ủy viên hoạt động chuyên trách.

Điều 11. Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội

1. Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy

định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH15, quy định khác của pháp luật có liên quan và các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Điều chỉnh một số nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội; Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã;

b) Quy định tổ chức bộ máy, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn đặc thù, tổ chức hành chính đặc thù thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã;

c) Quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội;

d) Phân cấp hoặc ủy quyền một số nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội cho các tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã và thành phố thuộc thành phố Hà Nội.

Các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, quận, huyện, thị xã và thành phố thuộc thành phố Hà Nội được ủy quyền việc giải quyết một số thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của mình cho Ủy ban nhân dân hoặc cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp dưới kèm theo bảo đảm điều kiện về tài chính, nguồn nhân lực và các điều kiện cần thiết khác để thực hiện các nhiệm vụ được ủy quyền.

Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội quy định trình tự giải quyết các thủ tục hành chính để thực hiện việc ủy quyền.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH15, quy định khác của pháp luật có liên quan và các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Có thể ủy quyền cho người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức hành chính khác trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội thực hiện một hoặc một số nhiệm vụ, quyền hạn của mình trong khoảng thời gian xác định kèm theo các điều kiện cụ thể;

b) Quyết định biện pháp khẩn cấp tạm thời khi có thiên tai; dịch bệnh; sự cố môi trường; bảo đảm an ninh, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn Thủ đô.

Điều 12. Hội đồng nhân dân quận, thị xã

Hội đồng nhân dân quận, thị xã thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH15, quy định khác của pháp luật có liên quan và các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

1. Thực hiện các nhiệm vụ được Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, thành phố Hà Nội phân cấp trong các lĩnh vực: quản lý đầu tư; tài chính ngân sách; quản lý kinh tế; tài nguyên môi trường; quản lý khoa học công nghệ, văn hóa, giáo dục;

2. Quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án đầu tư công nhóm B, nhóm C sử dụng vốn ngân sách phường trực thuộc theo quy định của Luật Đầu tư công; tổ chức thực hiện chương trình, dự án đầu tư công theo phân cấp quản lý; phê duyệt kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm của Ủy ban nhân dân phường trực thuộc;

3. Thông qua chủ trương thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính phường trực thuộc thành phố thuộc thành phố Hà Nội.

Điều 13. Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, thị xã

1. Ủy ban nhân dân quận, thị xã thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH15, các quy định của pháp luật khác có liên quan và các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định các nội dung quy định tại các khoản 1, 2, và 3 Điều 12 của Luật này và tổ chức thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân cùng cấp;

b) Căn cứ vào nghị quyết của Hội đồng nhân dân cùng cấp, quyết định giao và điều chỉnh nhiệm vụ thu, chi ngân sách cho các phường trực thuộc, quyết định chủ trương, biện pháp triển khai thực hiện ngân sách;

c) Quyết định và tổ chức thực hiện nhiệm vụ về quốc phòng, an ninh, biện pháp bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh, phòng, chống tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật khác trên địa bàn các phường trực thuộc.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, thị xã thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH15, các quy định của pháp luật khác có liên quan và các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường;

b) Tuyển dụng, sử dụng, quản lý, khen thưởng, kỷ luật công chức phường;

c) Đình chỉ việc thi hành, bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ văn bản trái pháp luật của Ủy ban nhân dân phường;

d) Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn do Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội phân cấp, ủy quyền.

Điều 14. Hội đồng nhân dân thành phố thuộc thành phố Hà Nội

1. Hội đồng nhân dân thành phố thuộc thành phố Hà Nội thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH15, quy định khác của pháp luật có liên quan, nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân quận, thị xã quy định tại Điều 12 của Luật này, các quy định khác về thẩm quyền của Hội đồng nhân dân thành phố thuộc thành phố Hà Nội quy định tại Luật này.

2. Quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể một số cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập đặc thù thuộc Ủy ban nhân dân thành phố thuộc thành phố Hà Nội.

3. Hội đồng nhân dân thành phố thuộc thành phố Hà Nội có tối đa 02 Phó Chủ tịch, tối đa 09 đại biểu chuyên trách.

Tổ chức bộ máy của Hội đồng nhân dân thành phố thuộc thành phố Hà Nội gồm các Ban: Kinh tế - Xã hội, Pháp chế, Đô thị; mỗi ban có tối đa 02 Phó trưởng ban.

Điều 15. Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố thuộc thành phố Hà Nội

1. Ủy ban nhân dân thành phố thuộc thành phố Hà Nội thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH15, các quy định khác của pháp luật có liên quan và các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Các nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân quận, thị xã quy định tại khoản 1 Điều 13 và các nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân thành phố thuộc thành phố Hà Nội quy định tại các điều khác của Luật này;

b) Điều chỉnh một số nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân thành phố thuộc thành phố Hà Nội;

c) Tổ chức tuyển dụng công chức cho các cơ quan, tổ chức thuộc thành phố thuộc thành phố Hà Nội.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố thuộc thành phố Hà Nội thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH15, các quy định khác của pháp luật có liên quan và nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, thị xã quy định tại khoản 2 Điều 13 của Luật này, các quy định khác về thẩm quyền của Ủy ban nhân dân thành phố thuộc thành phố Hà Nội tại Luật này.

3. Ủy ban nhân dân thành phố thuộc thành phố Hà Nội có tối đa 04 Phó chủ tịch.

Điều 16. Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường

1. Ủy ban nhân dân phường có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của đơn vị dự toán ngân sách trực thuộc Ủy ban nhân dân quận, thị xã, thành phố thuộc thành phố Hà Nội theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước;

b) Đề xuất chủ trương đầu tư chương trình, dự án đầu tư công sử dụng vốn ngân sách nhà nước với Ủy ban nhân dân quận, thị xã; tham gia ý kiến về chủ trương đầu tư dự án thuộc thẩm quyền quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền mà Luật Đầu tư công quy định phải có sự tham gia ý kiến của Hội đồng nhân dân cấp xã; tổ chức thực hiện chương trình, dự án đầu tư công theo phân cấp quản lý;

c) Đề xuất, phối hợp với cơ quan có thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ về quốc phòng, an ninh, biện pháp bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh, phòng, chống tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật khác trên địa bàn theo phân cấp quản lý;

d) Phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành lập Tổ bầu cử đại biểu Quốc hội, Tổ bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân; tổ chức thực hiện việc bầu cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân theo quy định của pháp luật;

đ) Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn do Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, quận, thị xã phân cấp, ủy quyền;

e) Thực hiện các nhiệm vụ về tổ chức và bảo đảm việc thi hành Hiến pháp, pháp luật, các văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên trên địa bàn phường và các nhiệm vụ, quyền hạn khác của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường theo quy định của pháp luật, trừ quy định tại khoản 2 Điều 36 và Điều 63 của Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH15.

2. Ủy ban nhân dân phường không có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

3. Cơ cấu tổ chức và chế độ làm việc của Ủy ban nhân dân phường như sau:

a) Ủy ban nhân dân phường gồm có Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các công chức khác của phường. Ủy ban nhân dân phường loại I và loại II có không quá 02 Phó Chủ tịch; phường loại III có 01 Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân.

Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường là công chức giữ chức danh lãnh đạo, quản lý của Ủy ban nhân dân phường;

b) Ủy ban nhân dân phường làm việc theo chế độ thủ trưởng, bảo đảm nguyên tắc tập trung dân chủ;

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường là người đứng đầu Ủy ban nhân dân phường, chịu trách nhiệm trước Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch

Ủy ban nhân dân quận, thị xã, thành phố thuộc thành phố Hà Nội và trước pháp luật về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân phường; trực tiếp quản lý, sử dụng công chức phường theo quy định của Chính phủ và phân cấp, ủy quyền của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, quận, thị xã, thành phố thuộc thành phố Hà Nội.

Điều 17. Chế độ công vụ, biên chế của các cơ quan, đơn vị thuộc thành phố Hà Nội

1. Thực hiện thống nhất, liên thông một chế độ công vụ, công chức đối với cán bộ, công chức trong các cơ quan, tổ chức các cấp của Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội thuộc thành phố Hà Nội:

a) Cán bộ được bầu cử, phê chuẩn giữ chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ, được quản lý thống nhất, liên thông từ cấp xã đến cấp Thành phố;

b) Công chức được, tuyển dụng, sử dụng, quản lý thống nhất, liên thông từ cấp xã đến cấp Thành phố;

c) Cán bộ làm trong cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội ở cấp Thành phố, cấp huyện, cấp xã khi thôi đảm nhiệm chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ mà đáp ứng đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo yêu cầu vị trí việc làm của chức danh công chức thì được tiếp nhận, bổ nhiệm vào ngạch công chức.

2. Người đứng đầu cơ quan cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện được ký hợp đồng làm việc có thời hạn khi có nhu cầu. Người được ký hợp đồng làm việc phải đáp ứng các điều kiện chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.

3. Người đứng đầu cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, Ủy ban nhân dân cấp huyện được tiến cử, giới thiệu người có đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định để làm quy trình bổ nhiệm cấp phó và chịu trách nhiệm về việc tiến cử, giới thiệu của mình.

4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 18. Thu hút, trọng dụng và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao

1. Người có phẩm chất đạo đức, trình độ, năng lực vượt trội và kinh nghiệm thực tiễn đang làm việc ở các lĩnh vực, khu vực, địa bàn khác kể cả trong và ngoài nước có công trình, sản phẩm, thành tích, công trạng hoặc cống hiến đặc biệt để phát triển của một lĩnh vực, một ngành của Thủ đô được hưởng các ưu đãi về tuyển dụng, xếp lương, bổ nhiệm vào chức vụ lãnh đạo và các ưu đãi khác.

2. Người đứng đầu cơ quan cơ quan, tổ chức, đơn vị của thành phố Hà Nội

được quyền:

a) Xét tuyển và tiếp nhận những người quy định tại khoản 1 Điều này vào làm việc tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị mình;

b) Ký hợp đồng với mức lương, chế độ đãi ngộ theo cơ chế thỏa thuận đối với một số vị trí việc làm trong cơ quan, tổ chức, đơn vị mình cần sự đảm nhiệm của người quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố thuộc thành phố Hà Nội được ký hợp đồng với người thuộc nguồn nhân lực chất lượng cao từ khu vực ngoài nhà nước vào làm việc và đảm nhiệm chức vụ lãnh đạo, quản lý các đơn vị sự nghiệp công lập trong các lĩnh vực khoa học, công nghệ, văn hóa, thể thao, y tế, giáo dục, đào tạo.

4. Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định chi tiết khoản 1 và khoản 2 Điều này.

Điều 19. Chế độ tiền lương, thu nhập của cán bộ, công chức, viên chức Thủ đô

1. Thực hiện chi thu nhập tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức thuộc khu vực quản lý nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội và đơn vị sự nghiệp công lập được ngân sách nhà nước đảm bảo 100% chi thường xuyên do thành phố Hà Nội quản lý theo năng lực, hiệu quả công việc, ngoài chi thu nhập tăng thêm theo quy định của pháp luật về cơ chế tự chủ tài chính đối với cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập áp dụng chung trong cả nước. Tổng mức chi phù hợp với khả năng ngân sách của thành phố Hà Nội và không vượt quá 0,8 lần quỹ lương cơ bản của cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý.

2. Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định chi tiết khoản 1 Điều này.

Chương III

XÂY DỰNG, PHÁT TRIỂN VÀ QUẢN LÝ THỦ ĐÔ

Điều 20. Quy hoạch xây dựng, phát triển Thủ đô

1. Việc xây dựng và phát triển Thủ đô phải được thực hiện theo Quy hoạch Thủ đô, Quy hoạch chung Thủ đô, các quy định của pháp luật về xây dựng, về quy hoạch đô thị và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Quy hoạch Thủ đô, Quy hoạch chung Thủ đô phải bảo đảm xây dựng Thủ đô văn hiến, văn minh, hiện đại, phát triển bền vững, bảo vệ môi trường; bảo đảm quốc phòng, an ninh, kết nối hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội của Thủ đô với các địa phương trong Vùng Thủ đô và cả nước.

2. Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định thẩm quyền, trách nhiệm, của các cơ quan nhà nước của thành phố Hà Nội trong việc hỗ trợ, tổ chức lấy ý kiến cộng đồng dân cư và thẩm định, phê duyệt quy hoạch phân khu đô thị do nhà đầu tư chiến lược đề xuất.

3. Việc điều chỉnh quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị của Thủ đô được thực hiện trên cơ sở đồ án quy hoạch xây dựng khu chức năng, quy hoạch đô thị đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Chính quyền thành phố Hà Nội thực hiện phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung xây dựng các khu chức năng, điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung đô thị, điều chỉnh cục bộ quy hoạch chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật theo trình tự thủ tục do Thủ tướng Chính phủ quy định và báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả thực hiện.

Điều 21. Biện pháp bảo đảm thực hiện quy hoạch

1. Không mở rộng diện tích sử dụng đất và quy mô giường bệnh của các bệnh viện hiện có tại khu nội đô lịch sử; không mở rộng, xây dựng mới khu công nghiệp, cơ sở sản xuất công nghiệp ngoài khu công nghiệp, cụm công nghiệp, cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp tại khu vực đô thị trung tâm.

Cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp không có trụ sở chính ở đô thị trung tâm trước thời điểm Luật này có hiệu lực thì không được đặt địa điểm đào tạo trong khu vực đô thị trung tâm.

Di dời các cơ sở sản xuất công nghiệp có mức độ ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, kéo dài, sử dụng quá tải; cơ sở y tế có nguy cơ truyền nhiễm, lây nhiễm cao, các cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp và các cơ quan, đơn vị nằm trong khu nội đô lịch sử, khu vực đô thị trung tâm không phù hợp các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành, gây mất cân đối về hạ tầng xã hội và kỹ thuật, giao thông, ô nhiễm môi trường và không phù hợp với Quy hoạch chung Thủ đô.

Thủ tướng Chính phủ quyết định biện pháp và lộ trình di dời một số cơ quan, đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý của cơ quan, tổ chức Trung ương tại khu nội đô lịch sử, khu vực đô thị trung tâm. Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội quyết định danh mục, biện pháp và lộ trình di dời các cơ quan, đơn vị còn lại.

2. Khi lập quy hoạch chi tiết mở rộng trục đường giao thông theo quy hoạch chung, quy hoạch phân khu, quy hoạch sử dụng đất trên địa bàn Thủ đô phải xác định vị trí, ranh giới, diện tích đất thu hồi trong vùng phụ cận để thực hiện dự án chỉnh trang đô thị, tái định cư tại chỗ, nhà ở, thương mại, dịch vụ, sản xuất, kinh doanh theo các quy định của pháp luật về đất đai và quy hoạch.

Việc lấy ý kiến cộng đồng dân cư về việc lập quy hoạch trong trường hợp này được thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai và quy hoạch.

3. Khi triển khai dự án phát triển hạ tầng kỹ thuật, xây dựng, chỉnh trang khu đô thị, khu dân cư nông thôn thì phải đồng thời xác định vị trí, ranh giới, diện tích đất thu hồi trong vùng phụ cận để thực hiện dự án tái định cư tại chỗ, nhà ở, thương mại, dịch vụ, sản xuất, kinh doanh theo quy hoạch đã được phê duyệt, cơ quan có thẩm quyền của thành phố Hà Nội quyết định việc xác định diện tích đất vùng phụ cận để thu hồi quản lý, sử dụng theo quy hoạch.

4. Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quyết định dự án trục đường giao thông quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này.

5. Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội quyết định ranh giới, mốc giới, diện tích đất hai bên đường cần phải thu hồi để xây dựng đường giao thông quy định tại khoản 3 Điều này.

6. Cơ quan nhà nước có trách nhiệm trong việc thẩm định, giám sát thực hiện quy hoạch theo quy mô, mật độ, cơ cấu dân cư được xác định tại Quy hoạch chung Thủ đô. Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội tổ chức lấy ý kiến cộng đồng dân cư, thẩm định quy hoạch phân khu do nhà đầu tư chiến lược đề xuất theo quy định của Luật này.

Điều 22. Quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan và xây dựng đô thị

1. Không gian, kiến trúc, cảnh quan và xây dựng đô thị của Thủ đô phải được quản lý theo đồ án quy hoạch, bảo đảm bảo tồn, tôn tạo, phát huy các hình thái kiến trúc có giá trị văn hóa, lịch sử, tạo lập không gian xanh, không gian ngầm của Thủ đô, không gian cảnh quan khu vực hai bên Sông Hồng.

2. Việc cải tạo, chỉnh trang các đường giao thông quan trọng trong khu vực đô thị phải được thực hiện trên cơ sở quy hoạch chi tiết, thiết kế đô thị, quy chế quản lý kiến trúc.

Trong trường hợp đặc biệt, Hội đồng nhân dân các cấp của thành phố Hà Nội căn cứ nhiệm vụ, quyền hạn của mình quyết định việc lập thiết kế cải tạo chỉnh trang tuyến đường.

3. Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội ban hành tiêu chuẩn, quy chuẩn, biện pháp quản lý không gian đô thị, không gian ngầm, kiến trúc, cảnh quan, vùng di sản đối với khu vực nội đô lịch sử, khai thác cảnh quan Sông Hồng và các trục cảnh quan theo quy hoạch; các nguyên tắc và điều kiện xây dựng riêng trong khu vực nội đô lịch sử và các đô thị của Hà Nội về giảm phát thải, bảo vệ môi trường.

4. Việc quản lý, xây dựng và khai thác không gian đô thị, khoảng không, không gian ngầm đô thị tại các đô thị, khu vực nội đô lịch sử phải bảo đảm bảo tồn không gian văn hóa và cảnh quan sạch đẹp, khang trang. Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định việc xây dựng, quản lý, khai thác không

gian ngầm, công trình ngầm trên địa bàn Thủ đô.

Điều 23. Bảo vệ và phát triển văn hóa

1. Việc bảo vệ và phát triển văn hóa Thủ đô phải bảo đảm tiêu biểu cho bản sắc văn hóa dân tộc, phát huy các giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể của Thủ đô và dân tộc, xây dựng Hà Nội thực sự là Thủ đô văn hiến, trung tâm hội tụ, kết tinh văn hóa của cả nước, xây dựng văn hóa người Hà Nội thanh lịch, văn minh.

Các nguồn lực văn hóa trên địa bàn Thủ đô phải được ưu tiên quản lý, khai thác, sử dụng đáp ứng yêu cầu bảo tồn, phát triển văn hóa Thủ đô và cả nước và hội nhập quốc tế.

2. Các khu vực, di tích và di sản văn hóa sau đây phải được tập trung nguồn lực để bảo vệ, bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa:

a) Khu vực Ba Đình;

b) Khu Di tích Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Phủ Chủ tịch; Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh, Bảo tàng Hồ Chí Minh; Di tích Trung tâm Hoàng Thành Thăng Long, Khu di tích Cổ Loa; Văn Miếu - Quốc Tử Giám và các di tích quốc gia đặc biệt khác trên địa bàn Thủ đô;

c) Khu vực Hồ Hoàn Kiếm, Hồ Tây;

d) Phố cổ, làng cổ và làng nghề truyền thống tiêu biểu;

đ) Biệt thự cũ, nhà cổ và các công trình kiến trúc khác xây dựng trước năm 1954;

e) Các di sản văn hóa phi vật thể được ghi danh trên địa bàn Thủ đô.

3. Dự án đầu tư mới vào các ngành điện ảnh, nghệ thuật biểu diễn, mỹ thuật, nhiếp ảnh, triển lãm, du lịch văn hóa được hưởng các ưu đãi sau đây:

a) Được miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước 10 năm và giảm 50% tiền thuê đất, thuê mặt nước cho thời gian còn lại;

b) Áp dụng mức thuế suất 5% thuế thu nhập doanh nghiệp; trong đó, được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong thời gian 04 năm và giảm 50% số thuế thu nhập phải nộp trong 09 năm tiếp theo.

Thời gian miễn thuế, giảm thuế đối với thu nhập của doanh nghiệp thực hiện dự án đầu tư mới quy định tại khoản này được tính từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế từ dự án đầu tư.

Nhà đầu tư đầu tư vào các dự án quy định tại khoản này được hưởng các ưu đãi theo quy định tại điểm a và điểm b khoản này.

4. Cho phép thành lập Quỹ Bảo tồn di sản và phát triển văn hóa Thủ đô là

quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách để đầu tư cho nghiên cứu, bảo vệ di sản văn hóa, hỗ trợ hoạt động giáo dục, quảng bá và sáng tạo dựa trên di sản văn hóa Thủ đô.

5. Quỹ Bảo tồn di sản và phát triển văn hóa Thủ đô hoạt động theo các quy định sau đây:

a) Quỹ hoạt động không vì mục đích lợi nhuận; bảo đảm công khai, minh bạch, hiệu quả; quản lý, sử dụng đúng mục đích và phù hợp với quy định của pháp luật;

b) Nguồn thu của Quỹ được hình thành từ phần hỗ trợ vốn điều lệ từ ngân sách thành phố Hà Nội; nguồn thu từ việc khai thác di sản văn hóa theo quy định của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội; nguồn tài trợ, đóng góp tự nguyện, vốn ủy thác của tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài; các nguồn tài chính hợp pháp khác ngoài ngân sách nhà nước;

c) Nhiệm vụ chi của Quỹ là hỗ trợ cho chương trình, dự án hoặc hoạt động phi dự án liên quan đến nghiên cứu, bảo tồn di sản văn hóa; hỗ trợ hoạt động giáo dục, quảng bá và sáng tạo dựa trên di sản văn hóa Thủ đô ngoài nhiệm vụ chi của ngân sách nhà nước.

Quỹ Bảo tồn di sản và phát triển văn hóa Thủ đô được Chính phủ thành lập và giao cho thành phố Hà Nội trực tiếp quản lý.

6. Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định:

a) Phạm vi hỗ trợ, mức hỗ trợ cao hơn quy định hiện hành của Trung ương theo khả năng cân đối ngân sách của thành phố Hà Nội đối với nghệ nhân, người thực hành di sản văn hóa phi vật thể; việc truyền dạy cho đội ngũ kế cận; hoạt động quảng bá, phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể; không gian trình diễn, thực hành di sản văn hóa phi vật thể;

b) Chế độ tôn vinh đối với nghệ nhân di sản văn hóa phi vật thể;

c) Biện pháp khuyến khích đầu tư, huy động đóng góp tự nguyện của tổ chức, cá nhân vào việc xây dựng công trình văn hóa, công viên, vườn hoa, khu vui chơi giải trí và bảo vệ, tôn tạo, phát huy giá trị di sản văn hóa trên địa bàn Thủ đô;

d) Danh mục phố cổ, làng cổ, làng nghề truyền thống tiêu biểu, biệt thự cũ, nhà cổ công trình kiến trúc khác xây dựng trước năm 1954 và các giá trị văn hóa phi vật thể quy định tại các điểm d, đ và e khoản 2 Điều này;

đ) Phương thức nhượng quyền kinh doanh, quản lý (O&M) đối với các công trình, hạ tầng văn hóa, thể thao trên địa bàn Thủ đô; cơ chế sử dụng, quản lý, khai thác tài sản công của cơ sở văn hóa, thể thao công lập thuộc thành phố

Hà Nội khi thực hiện liên kết với tổ chức, cá nhân để cung cấp dịch vụ theo cơ chế thị trường;

e) Tiêu chí, điều kiện và quy chế hoạt động chung đối với các khu thúc đẩy thương mại, văn hóa ở một số địa điểm trên địa bàn Thủ đô có tiềm năng, lợi thế về thương mại, dịch vụ, du lịch, văn hóa của Thủ đô.

Điều 24. Phát triển giáo dục và đào tạo

1. Xây dựng Thủ đô Hà Nội thực sự là trung tâm lớn, tiêu biểu của cả nước về giáo dục, đào tạo chất lượng cao, thích ứng với quá trình chuyển đổi số quốc gia, đổi mới sáng tạo và hội nhập quốc tế. Xây dựng một số cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông chất lượng cao; cơ sở giáo dục thông minh, cơ sở giáo dục tiên tiến, hiện đại có nhiều cấp học trên địa bàn Thủ đô theo các tiêu chí về quy mô đào tạo, cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên, chương trình, phương pháp giảng dạy, dịch vụ giáo dục và cơ chế quản lý phù hợp với đặc điểm, vị trí, vai trò của Thủ đô. Việc theo học tại các cơ sở giáo dục chất lượng cao theo nguyên tắc tự nguyện.

2. Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn Thủ đô do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo nguyên tắc tập trung đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho Thủ đô và cả nước.

3. Dự án đầu tư thành lập mới cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông chất lượng cao, cơ sở giáo dục thông minh, cơ sở giáo dục tiên tiến, hiện đại có nhiều cấp học; cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông tại các vùng sâu, vùng khó khăn về kinh tế - xã hội trên địa bàn Thủ đô được hưởng ưu đãi theo quy định tại khoản 3 Điều 23 Luật này.

Nhà đầu tư đầu tư vào các dự án quy định tại khoản này được hưởng các ưu đãi theo quy định tại khoản 3 Điều 23 Luật này.

4. Cơ sở giáo dục phổ thông công lập của Thủ đô được thực hiện liên kết giáo dục với các cơ sở giáo dục nước ngoài. Cơ sở giáo dục khi tham gia liên kết giáo dục phải là cơ sở được thành lập hoạt động hợp pháp ở nước ngoài, được cơ quan, tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục hoặc cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài công nhận về chất lượng giáo dục. Chương trình giảng dạy, bằng cấp, chứng chỉ của chương trình liên kết phải đạt tiêu chuẩn quốc tế.

Việc theo học các chương trình liên kết giáo dục tại các cơ sở giáo dục này theo nguyên tắc tự nguyện. Chương trình giảng dạy, bằng cấp, chứng chỉ của chương trình liên kết phải đạt tiêu chuẩn quốc tế.

Việc thực hiện liên kết được thực hiện theo quy định của Chính phủ về liên kết đào tạo đối với cơ sở giáo dục ngoài công lập.

5. Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định:

a) Cơ chế tài chính áp dụng đối với các cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao, cơ sở giáo dục công lập thông minh, cơ sở giáo dục công lập tiên tiến, hiện đại có nhiều cấp học quy định tại khoản 1 Điều này. Việc sử dụng, quản lý, khai thác tài sản công của cơ sở giáo dục công lập thuộc thành phố Hà Nội khi thực hiện liên kết với tổ chức, cá nhân để cung cấp dịch vụ theo cơ chế thị trường;

b) Hỗ trợ học phí cho học sinh phổ thông và trẻ em mầm non trên địa bàn Thủ đô không phân biệt trường công lập, dân lập và trường tư thục; lộ trình thực hiện việc hỗ trợ.

c) Tổ chức và hoạt động của Quỹ Học bổng dành cho học sinh tài năng của Thủ đô được tuyển chọn, cử đi học tập, đào tạo ở các cơ sở giáo dục và đào tạo có uy tín trên thế giới, tạo nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ sự phát triển của Thủ đô.

6. Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội quy định:

a) Các tiêu chí về cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên, chương trình, phương pháp giảng dạy và dịch vụ giáo dục của cơ sở giáo dục chất lượng cao, cơ sở giáo dục thông minh, cơ sở giáo dục tiên tiến, hiện đại có nhiều cấp học quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Việc điều chỉnh, bổ sung chương trình giáo dục mầm non, phổ thông đối với một số môn học, hoạt động giáo dục để phù hợp với điều kiện kinh tế, văn hóa, xã hội của Thủ đô theo hướng tiệm cận nền giáo dục của khu vực và quốc tế;

c) Chương trình giảng dạy, việc cấp bằng, chứng chỉ của chương trình liên kết giáo dục giữa cơ sở giáo dục phổ thông của Thủ đô với các cơ sở giáo dục nước ngoài; việc thuê giáo viên nước ngoài, cơ chế huy động nguồn lực để phát triển các loại hình liên kết giáo dục, đào tạo trong nước và quốc tế trong các cơ sở giáo dục, đào tạo công lập của Thủ đô theo quy định tại khoản 4 Điều này.

Điều 25. Về phát triển khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số

1. Tập trung phát triển đồng bộ các lĩnh vực khoa học và công nghệ; thực hiện chuyển đổi số trên mọi mặt đời sống kinh tế-xã hội. Bảo đảm phát huy tiềm năng, trí tuệ của các nhà khoa học và công nghệ. Ưu tiên và tập trung mọi nguồn lực đầu tư xây dựng Thủ đô trở thành trung tâm đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, nghiên cứu khoa học và công nghệ, chuyển giao và phát triển công nghệ hàng đầu của đất nước, khu vực, quốc tế. Các lĩnh vực trọng điểm về khoa học và công nghệ của Thủ đô bao gồm: trí tuệ nhân tạo, an ninh mạng, công nghệ chuỗi khối, Internet vạn vật; năng lượng sinh khối; công nghệ gen, sinh học phân tử, vaccin;

công nghệ chế tạo chip, in 3D, vật liệu tiên tiến; công nghệ vật liệu xây dựng mới.

2. Tổ chức, chuyên gia, nhà khoa học chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ trọng điểm của Thủ đô, Vùng Thủ đô được:

a) Áp dụng hình thức khoán kinh phí theo kết quả, sản phẩm của nhiệm vụ;

b) Quyết định thuê, thoả thuận chi phí thuê chuyên gia trong nước và nước ngoài, mua sáng chế, thiết kế, tài liệu kỹ thuật, bí quyết công nghệ phục vụ cho việc thực hiện nhiệm vụ; quyết định việc tham gia hội nghị, hội thảo khoa học trong nước và quốc tế thuộc lĩnh vực chuyên môn của nhiệm vụ; công bố kết quả nghiên cứu của nhiệm vụ trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín; đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với kết quả, sản phẩm của nhiệm vụ;

c) Cá nhân chuyên gia, nhà khoa học chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ trọng điểm của Thủ đô, Vùng Thủ đô, ngoài các quyền quy định tại điểm a và điểm b khoản này, còn được hưởng các ưu đãi và được áp dụng biện pháp triển khai nhiệm vụ sau đây: Thu nhập từ việc thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ trọng điểm được xác định là thu nhập không phải chịu thuế thu nhập cá nhân; Được hỗ trợ từ ngân sách Thành phố một phần chi phí thuê nhà, phương tiện đi lại trong thời gian chủ trì nhiệm vụ.

3. Các doanh nghiệp, tổ chức khoa học và công nghệ trên địa bàn Thủ đô được hưởng các ưu đãi sau đây:

a) Được hỗ trợ từ ngân sách thành phố Hà Nội kinh phí mua sắm, chi phí vận hành máy, thiết bị phục vụ thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ trọng điểm của Thủ đô, Vùng Thủ đô;

b) Được hỗ trợ từ ngân sách thành phố Hà Nội kinh phí hình thành các trung tâm nghiên cứu và phát triển (R&D), phòng thí nghiệm thuộc các lĩnh vực ưu tiên của Thủ đô;

c) Doanh nghiệp tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ trọng điểm của Thủ đô, Vùng Thủ đô được hưởng ưu đãi tương tự như doanh nghiệp nghiên cứu và phát triển công nghệ cao trong các năm tham gia thực hiện nhiệm vụ.

4. Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội quyết định:

a) Ban hành Quy chế quản lý, danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ trọng điểm của Thủ đô, Vùng Thủ đô; các lĩnh vực trọng điểm về khoa học và công nghệ của Thủ đô;

b) Quyết định hoặc uỷ quyền cho cơ quan quản lý về khoa học và công nghệ của Thủ đô được chuyển giao không bồi hoàn đối với tài sản, kết quả, sản phẩm hình thành từ nhiệm vụ khoa học và công nghệ, dự án khởi

nghiệp sáng tạo được Thành phố hỗ trợ kinh phí cho đơn vị chủ nhiệm nhiệm vụ hoặc tổ chức, cá nhân có đủ năng lực ứng dụng, phát triển kết quả, sản phẩm phục vụ công tác quản lý của Thủ đô, phát triển kinh tế - xã hội Thủ đô, Vùng Thủ đô;

c) Sử dụng ngân sách thành phố Hà Nội và các nguồn hợp pháp khác do Thành phố huy động để hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức khoa học và công nghệ trên địa bàn Thủ đô nhận chuyển giao các công nghệ thuộc lĩnh vực ưu tiên của Thủ đô; hỗ trợ không bồi hoàn kinh phí cho các dự án khởi nghiệp sáng tạo theo các lĩnh vực ưu tiên của Thủ đô;

d) Thực hiện thử nghiệm có kiểm soát đối với: mô hình đầu tư mạo hiểm có sử dụng một phần ngân sách Thành phố và huy động các nguồn vốn hợp pháp khác để thu hút, thúc đẩy khởi nghiệp, ươm tạo doanh nghiệp, đổi mới công nghệ theo lĩnh vực ưu tiên của Thành phố; ứng dụng các giải pháp công nghệ mới trong phạm vi Khu công nghệ cao.

5. Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định chi tiết khoản 3, điểm c và điểm d khoản 4 Điều này.

6. Khu công nghệ cao Hòa Lạc là khu vực nghiên cứu, phát triển công nghệ cao và đổi mới sáng tạo trọng điểm của Thủ đô và cả nước, có vai trò tập trung, liên kết, thúc đẩy, dẫn dắt một cách có hiệu quả hoạt động nghiên cứu và phát triển, ứng dụng công nghệ cao; ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao; đào tạo nhân lực công nghệ cao; sản xuất và kinh doanh sản phẩm công nghệ cao, cung ứng dịch vụ công nghệ cao trong các lĩnh vực trọng điểm: Công nghệ sinh học, công nghệ thông tin, công nghệ vật liệu mới và công nghệ tự động hóa và các công nghệ cao khác.

Địa điểm, ranh giới, quy mô sử dụng đất của Khu Công nghệ cao Hòa Lạc được xác định trong Quy hoạch Thủ đô và Quy hoạch chung Thủ đô. Quy hoạch chung xây dựng Khu Công nghệ cao Hòa Lạc do Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội tổ chức lập, thẩm định, trình Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội phê duyệt.

Hoạt động đầu tư tại Khu Công nghệ cao Hòa Lạc được hưởng các ưu đãi theo quy định của pháp luật về công nghệ cao, các ưu đãi quy định tại Điều 41 của Luật này.

7. Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quyết định thành lập Ban Quản lý các Khu Công nghệ cao thành phố Hà Nội.

Ban Quản lý các Khu Công nghệ cao thành phố Hà Nội là cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội thực hiện chức năng quản lý nhà nước trực tiếp đối với Khu Công nghệ cao Hòa Lạc và các khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao của thành phố Hà Nội, thực hiện cung ứng dịch

vụ công, dịch vụ phụ trợ trong các khu công nghệ cao theo quy định của Luật này và quy định của pháp luật về công nghệ cao.

Ban Quản lý các khu Công nghệ cao thành phố Hà Nội có nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật về công nghệ cao.

Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội quy định cụ thể về cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Quản lý các Khu Công nghệ cao.

Điều 26. Phát triển y tế, chăm sóc sức khỏe Nhân dân

1. Xây dựng hệ thống y tế Thủ đô tiên tiến và hiện đại, theo mô hình ba cấp, phù hợp với quy mô dân số, địa bàn phục vụ. Tập trung phát triển một số lĩnh vực tiếp cận trình độ công nghệ thế giới. Nâng cao chất lượng khám bệnh, chữa bệnh và năng lực hệ thống y tế dự phòng, y tế cơ sở, hệ thống bác sĩ gia đình của Thủ đô, bảo đảm chăm sóc liên tục, toàn diện sức khoẻ Nhân dân. Phát triển hệ thống cấp cứu ngoại viện công lập và ngoài công lập.

Chuyển giao các bệnh viện thuộc bộ, cơ quan nhà nước ở Trung ương về thành phố Hà Nội quản lý, trừ các bệnh viện thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an; bệnh viện hạng đặc biệt; bệnh viện của các trường đại học y.

2. Dự án đầu tư thành lập mới cơ sở khám bệnh, chữa bệnh chất lượng cao, hiện đại, cơ sở nghiên cứu phát triển và chuyển giao công nghệ cao trong lĩnh vực y tế, cơ sở y tế tại các vùng sâu, vùng khó khăn về kinh tế - xã hội của Thủ đô được hưởng ưu đãi theo quy định tại khoản 3 Điều 23 của Luật này.

Nhà đầu tư trong các lĩnh vực, địa bàn quy định tại khoản này được hưởng các ưu đãi theo quy định tại khoản 3 Điều 23 của Luật này.

3. Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập của thành phố Hà Nội:

a) Được miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước, miễn thuế thu nhập doanh nghiệp;

b) Được sử dụng quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp trong mua sắm, sửa chữa thực hiện theo quy định về mua sắm, sửa chữa nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của đơn vị sự nghiệp công lập.

4. Tổ chức khám sức khỏe miễn phí hằng năm cho người cao tuổi thường trú trên địa bàn Thủ đô, được bảo đảm thực hiện từ ngân sách các cấp của thành phố Hà Nội, nguồn xã hội hóa và nguồn từ quỹ bảo hiểm y tế theo lộ trình phù hợp.

5. Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định:

a) Cơ chế tài chính, danh mục dịch vụ kỹ thuật y tế, giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh y học gia đình;

b) Mức giá dịch vụ cấp cứu ngoại viện; cơ chế thanh toán dịch vụ từ nguồn ngân sách Thành phố các cấp, quỹ bảo hiểm y tế và nguồn thu từ người sử dụng

dịch vụ cấp cứu ngoại viện;

c) Biện pháp hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực y tế thực hiện khám bệnh, chữa bệnh y học gia đình, y tế dự phòng; hỗ trợ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng tại nước ngoài, cập nhật, chuyển giao công nghệ hiện đại, kỹ thuật tiên tiến trong lĩnh vực y dược, an toàn thực phẩm, phòng chống dịch bệnh, y tế công cộng cho cơ sở y tế công lập của thành phố Hà Nội.

6. Chính phủ quy định chi tiết việc phân bổ và sử dụng quỹ bảo hiểm y tế để phát triển hoạt động khám bệnh, chữa bệnh y học gia đình, chi trả dịch vụ cấp cứu ngoại viện, khám sức khỏe định kỳ hằng năm cho người cao tuổi trên địa bàn Thủ đô theo lộ trình do chính quyền thành phố Hà Nội đề nghị.

7. Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội quyết định:

a) Tiêu chí, trình tự, thủ tục công nhận cơ sở khám, chữa bệnh chất lượng cao, hiện đại, cơ sở nghiên cứu phát triển và chuyển giao công nghệ cao trong lĩnh vực y tế trên địa bàn Thủ đô quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Lộ trình phát triển và quy định về tổ chức, hoạt động của hệ thống cấp cứu ngoại viện trên địa bàn Thủ đô; trong đó hệ thống cấp cứu ngoại viện gồm: Bệnh viện 115, Trung tâm điều phối cấp cứu, Trung tâm đào tạo cấp cứu và mạng lưới cấp cứu; trạm cấp cứu của 115 và các tổ cấp cứu ngoại viện của các bệnh viện đóng trên địa bàn Thủ đô;

c) Lộ trình thực hiện khám bệnh, chữa bệnh y học gia đình đối với khám bệnh, chữa bệnh ban đầu, việc phân tuyến, chuyển tuyến phù hợp với sự phát triển của hệ thống y tế của Thủ đô;

d) Việc áp dụng kỹ thuật mới, phương pháp mới trong khám bệnh, chữa bệnh đã được áp dụng rộng rãi ở các nước tiên tiến trên thế giới đối với các cơ sở y tế của Thủ đô trên cơ sở kết quả đánh giá, thẩm định của Hội đồng thẩm định do Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội thành lập;

đ) Giao chỉ tiêu kế hoạch giường bệnh cho các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; phân cấp, phân tuyến chuyên môn kỹ thuật các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc phạm vi quản lý của thành phố Hà Nội.

Điều 27. Chính sách xã hội, an sinh xã hội của Thủ đô

1. Phát triển hệ thống an sinh xã hội Thủ đô toàn diện, hướng tới bao phủ toàn dân, mở rộng đối tượng thụ hưởng chính sách, tạo điều kiện cho người dân tiếp cận tối đa các dịch vụ xã hội thiết yếu.

2. Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định:

a) Đối tượng được hưởng chính sách an sinh xã hội ngoài các đối tượng

theo quy định pháp luật hiện hành;

b) Nội dung chi, mức chi cụ thể cho an sinh xã hội khác trong khả năng cân đối ngân sách của Thành phố ngoài quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định liên quan;

c) Chính sách hỗ trợ đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho đối tượng chính sách của thành phố Hà Nội;

d) Tiêu chí ưu tiên để lựa chọn các đối tượng được mua, thuê nhà ở xã hội tại Thủ đô, đặc biệt tại các khu công nghiệp tập trung; quyết định việc sử dụng vốn đầu tư phát triển địa phương để hỗ trợ xây dựng nhà ở, công trình phúc lợi cho người lao động có thu nhập thấp.

3. Tổ chức, cá nhân đầu tư vào cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập, các cơ sở cai nghiện ma túy ngoài công lập hoặc cơ sở cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện trên địa bàn Thủ đô được hưởng các ưu đãi sau đây:

a) Được miễn tiền sử dụng đất khi thành lập, miễn thuế thu nhập doanh nghiệp đối với thu nhập từ các hoạt động của cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập, các cơ sở cai nghiện ma túy ngoài công lập hoặc cơ sở cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện;

b) Được vay vốn với lãi suất ưu đãi trong 05 năm đầu thành lập theo quy định của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội;

c) Tiền ủng hộ, tài trợ của các tổ chức, doanh nghiệp cho các hoạt động tư vấn, tuyên truyền, đấu tranh phòng, chống ma túy, cai nghiện ma túy, phát triển cho các mô hình mới về cai nghiện ma túy, quản lý sau cai và tiền khen thưởng động viên cho các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có thành tích trong công tác phòng chống ma túy được tính là chi phí hợp pháp của doanh nghiệp khi hạch toán.

Tiền ủng hộ, tài trợ của các cá nhân cho các hoạt động tư vấn, tuyên truyền, đấu tranh phòng, chống ma túy, cai nghiện ma túy, phát triển cho các mô hình mới về cai nghiện ma túy, quản lý sau cai và tiền khen thưởng động viên cho các tổ chức, cá nhân có thành tích trong công tác phòng, chống ma túy được trừ vào thu nhập trước khi tính thuế đối với cá nhân cư trú tại thành phố Hà Nội.

Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định chi tiết điểm b và điểm c khoản này.

Điều 28. Bảo vệ môi trường và giảm phát thải

1. Quản lý và bảo vệ môi trường Thủ đô được thực hiện theo nguyên tắc phát triển bền vững, phát triển kinh tế tuần hoàn và chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu gắn với việc duy trì các yếu tố tự nhiên, văn hóa và lịch sử ở Thủ đô; bảo đảm tỷ lệ không gian xanh theo quy hoạch.

2. Trên địa bàn Thủ đô nghiêm cấm lấn chiếm, gây ô nhiễm sông, suối, hồ, ao, đầm, công viên, vườn hoa, khu vực công cộng; chặt phá rừng, cây xanh trái phép; xả chất thải chưa qua xử lý ra môi trường; sử dụng điện tích công viên, vườn hoa công cộng sai chức năng, mục đích.

Việc san lấp, cải tạo sông, hồ, ao suối, đầm bị ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt phải phù hợp với quy hoạch đô thị, quy định về kiến trúc, cảnh quan, môi trường của Thủ đô.

3. Bố trí nguồn lực và thu hút đầu tư vào các dự án phân loại, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, xử lý ô nhiễm môi trường sông, suối, hồ, ao, đầm có công nghệ tiên tiến, hiện đại.

4. Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội xem xét, quyết định bổ sung khối lượng chất thải rắn sinh hoạt theo hình thức đặt hàng đối với Nhà đầu tư đang thực hiện dự án xử lý chất thải rắn sinh hoạt tự nguyện chuyển đổi toàn bộ công nghệ của dự án sang đốt phát điện. Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội ban hành tiêu chí, tiêu chuẩn, lộ trình đối với công nghệ được chuyển đổi và điều kiện, định mức, đơn giá, giá đặt hàng liên quan đến khối lượng chất thải rắn sinh hoạt được đặt hàng bổ sung, đảm bảo công khai minh bạch.

5. Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định:

a) Vùng phát thải thấp cho Thủ đô và Vùng Thủ đô bao gồm quy hoạch vùng phát thải thấp, các biện pháp khuyến khích đầu tư đối với lĩnh vực, phương thức sản xuất, kinh doanh dịch vụ phát thải thấp trên địa bàn Thủ đô; biện pháp kiểm soát phương tiện giao thông cá nhân; cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ không đảm bảo tiêu chuẩn về phát thải, sử dụng năng lượng hiệu quả và chuyển dịch năng lượng;

b) Các biện pháp kiểm soát ô nhiễm, phát triển tỷ lệ xanh trong xây dựng đô thị trên địa bàn Thủ đô;

c) Các ưu đãi về đầu tư trong lĩnh vực trồng, phát triển cây xanh, trồng rừng, xử lý rác thải, nước thải, dịch vụ môi trường; năng lượng tái tạo; và các dự án có sử dụng năng lượng tái tạo, dự án hỗ trợ chuyển dịch năng lượng;

d) Chính sách khuyến khích, hỗ trợ, ưu đãi và lộ trình thực hiện đối với cá nhân, hộ gia đình, hợp tác xã, doanh nghiệp thực hiện chuyển đổi phương tiện giao thông từ sử dụng nhiên liệu hóa thạch sang sử dụng năng lượng sạch; thu mua, đổi phương tiện giao thông cũ sang phương tiện giao thông mới sử dụng năng lượng sạch để giảm ô nhiễm môi trường; sử dụng phương tiện giao thông công cộng để hạn chế ùn tắc giao thông;

đ) Biện pháp hỗ trợ, ưu đãi đầu tư sản xuất nông nghiệp sạch, công nghệ

cao, ít sử dụng hoá chất, thuốc bảo vệ thực vật; các hoạt động xử lý, tái chế sử dụng phụ phẩm, chất thải nông nghiệp;

e) Các yêu cầu riêng về bảo vệ môi trường làng nghề, làng nghề du lịch; biện pháp ưu đãi đầu tư thu gom, xử lý rác thải liên xã, liên huyện trên địa bàn Thủ đô và Vùng Thủ đô.

6. Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quyết định sử dụng ngân sách Thành phố để thực hiện các biện pháp quy định tại điểm d và điểm đ khoản 5 Điều này và ban hành tiêu chí, trình tự, thủ tục thực hiện quy định tại khoản này.

Điều 29. Quản lý, sử dụng đất đai

1. Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định:

a) Nhà nước, người dân, nhà đầu tư trong các dự án phát triển đô thị, nông nghiệp công nghệ cao được chia sẻ lâu dài nguồn thu từ các dự án, áp dụng giá điện ưu đãi và các biện pháp khác để cải thiện thu nhập, môi trường sống của người dân, thực hiện các dự án về y tế, giáo dục, các khoản đầu tư phụ trợ, chuyển đổi công ăn việc làm;

b) Nguyên tắc quản lý, sử dụng khoảng không và không gian ngầm để xác định quyền sử dụng đất, và điều kiện để cấp giấy phép xây dựng, các quy định về quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng; ranh giới chiều cao, độ sâu của các công trình theo từng ô quy hoạch.

2. Việc bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn Thủ đô phải tuân thủ các nguyên tắc sau đây:

a) Hộ gia đình, cá nhân có đất được thu hồi có nơi ở và điều kiện sống bằng hoặc tốt hơn nơi ở cũ;

b) Hộ gia đình, cá nhân, tổ chức có đất bị thu hồi có thể được giao đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi, nếu không có đất để bồi thường thì được bồi thường bằng tiền theo giá đất cụ thể của loại đất thu hồi do Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền quyết định tại thời điểm phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư;

c) Đối với hộ gia đình, cá nhân có đất bị thu hồi nếu có nhu cầu và địa phương có điều kiện về quỹ đất, quỹ nhà ở thì được xem xét bồi thường bằng đất khác mục đích sử dụng với loại đất bị thu hồi hoặc bằng nhà ở.

Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quyết định tỷ lệ quy đổi, điều kiện bồi thường bằng đất khác mục đích sử dụng với đất thu hồi hoặc bằng nhà ở phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương.

3. Việc giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện

dự án phát triển kinh tế - xã hội đối với quỹ đất bảo đảm các điều kiện theo quy định của Luật này và pháp luật đất đai thì thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất hoặc đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất hoặc thông qua thỏa thuận về nhận quyền sử dụng đất dựa trên điều kiện, tính chất của dự án thông qua cơ chế thẩm định, đánh giá lựa chọn phương án.

4. Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất rừng sản xuất, đất trồng lúa nước sang các loại đất phi nông nghiệp phù hợp với quy hoạch chung Thủ đô, các quy hoạch kỹ thuật chuyên ngành, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cấp có thẩm quyền quyết định. Trình tự, thủ tục thực hiện việc chuyển mục đích sử dụng đất thực hiện theo quy định hiện hành về chuyển đổi mục đích sử dụng đất thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.

5. Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội thành lập mới và giao trách nhiệm quản lý, khai thác quỹ đất của Thủ đô cho một hoặc nhiều doanh nghiệp do Thủ đô nắm giữ 100% vốn điều lệ theo quy định của Luật này và pháp luật đất đai.

6. Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội ban hành:

a) Quyết định chuyển đổi từ đất trồng lúa sang các loại đất sản xuất nông nghiệp khác để thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, nuôi trồng thủy sản;

b) Quy định tỷ lệ xây dựng tối đa không quá 10% đất nông nghiệp để xây dựng công trình bán kiên cố công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp như sơ chế, sân phơi, kho, gian hàng giới thiệu sản phẩm, xử lý môi trường, xử lý phụ phẩm nông nghiệp, các công trình phụ trợ khác; việc xây dựng phải bảo đảm không ảnh hưởng đến chất lượng đất và hoàn trả nguyên trạng theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

c) Quyết định thời gian cho thuê đối với quỹ đất công ích sử dụng vào sản xuất nông nghiệp, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản.

Điều 30. Phát triển nhà ở

1. Quy hoạch, kế hoạch phát triển các khu đô thị, nhà ở trên địa bàn Thủ đô phải phù hợp với Quy hoạch chung Thủ đô và yêu cầu xây dựng Thủ đô văn hiến, văn minh, hiện đại; ưu tiên đầu tư xây dựng các khu đô thị, nhà ở hiện đại, thuận tiện ở ngoài đô thị trung tâm, đồng bộ với việc xây dựng hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội.

2. Việc cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư, nhà ở cũ, nhà nhiều hộ xuống cấp phải tuân thủ quy hoạch được phê duyệt bảo đảm hài hòa lợi ích nhà nước, người dân và nhà đầu tư.

3. Việc phát triển nhà ở xã hội trên địa bàn Thủ đô phải theo quy định sau đây:

a) Theo mô hình căn hộ chung cư phù hợp với điều kiện về đất đai, dân cư của Thủ đô;

b) Bảo đảm tỷ lệ quỹ nhà ở xã hội theo quy định và chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở được phê duyệt đối với tất cả các dự án được quy hoạch xây dựng nhà ở cao tầng, thấp tầng, nhà ở biệt thự; các khu đất xây dựng hạ tầng kỹ thuật;

c) Phát triển các khu nhà ở xã hội tập trung theo hướng văn minh, hiện đại, đồng bộ hệ thống hạ tầng, theo lộ trình phù hợp với nhu cầu của thị trường và điều kiện của Thành phố;

d) Thành phố Hà Nội được bố trí quỹ đất tương đương 20% đất ở trong các dự án đầu tư xây dựng nhà ở thương mại thay thế ở vị trí khác trên cơ sở đề xuất quỹ đất thay thế của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

4. Đối với các dự án đầu tư xây dựng nhà ở thương mại, khu đô thị có quy mô sử dụng đất từ 02ha đến dưới 10ha, doanh nghiệp đầu tư dự án được phép nộp tiền tương ứng với quỹ đất 20% để phát triển nhà ở xã hội. Nguồn tiền do chủ đầu tư xây dựng nhà ở thương mại, khu đô thị có quy mô sử dụng đất từ 02ha đến dưới 10ha đóng được nộp vào Quỹ đầu tư phát triển Thành phố để hỗ trợ, cho vay ưu đãi phát triển nhà ở xã hội.

5. Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định:

a) Việc điều chỉnh quy hoạch tại một số ô đất tại các khu, cụm công nghiệp để phát triển nhà lưu trú cho công nhân tại các khu, cụm công nghiệp; không phát triển nhà ở xã hội là nhà ở liền kề thấp tầng;

b) Chính sách cải tạo, xây mới nhà ở cũ, nhà nhiều hộ xuống cấp, chung cư cũ, chỉnh trang nhà ở các ô phố và niên hạn sử dụng các nhà chung cư cao tầng;

c) Việc sử dụng vốn từ ngân sách của thành phố Hà Nội hoặc từ Quỹ Đầu tư phát triển Thành phố để lập quy hoạch, đầu tư xây dựng, cải tạo các nhà ở cũ có một chủ sở hữu là Nhà nước. Sau khi hoàn thành, thành phố Hà Nội cho người sử dụng thuê (nếu có nhu cầu); tổ chức đấu giá để thu hồi vốn trong trường hợp còn quỹ nhà sau khi xây dựng mới;

d) Việc bố trí kinh phí ngân sách lập quy hoạch, lựa chọn chủ đầu tư; huy động tối đa các nguồn lực từ Nhà nước, xã hội hoặc đầu tư theo hình thức hợp tác công tư để cải tạo, xây dựng mới các nhà ở cũ thuộc nhiều sở hữu, trong đó có sở hữu nhà nước, đã xuống cấp; trách nhiệm đóng góp kinh phí đầu tư của các chủ sở hữu nhà ở có xây dựng, cải tạo theo quy định của Luật Nhà ở;

đ) Biện pháp thu hồi đất, giao đất để thực hiện dự án đầu tư cải tạo, xây mới nhà ở cũ, nhà nhiều hộ, hoán đổi vị trí, chức năng của ô đất tại quy hoạch

chi tiết (không làm thay đổi các chỉ tiêu chính của quy hoạch cấp cao hơn), tái điều chỉnh đất đai để xây dựng mới nhà ở tái định cư tại chỗ cho người dân hoặc bố trí tái định cư tại các vị trí khác nhằm ưu tiên dành quỹ đất tại các khu vực này để xây dựng các công trình hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật, công cộng, thương mại, dịch vụ;

e) Biện pháp hỗ trợ đầu tư phát triển quỹ nhà tái định cư, bao gồm cả biện pháp đặt hàng trong các dự án nhà ở thương mại nhằm thu hút các nguồn lực đầu tư, nâng cao chất lượng nhà ở tái định cư, tạo sự đồng thuận của người dân;

g) Quyết định khung giá đối với nhà ở thương mại, khu đô thị theo quy định tại khoản 4 Điều này.

6. Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội trên cơ sở Quy hoạch chung Thủ đô, quy hoạch phân khu đô thị đã được phê duyệt và mức độ đô thị hóa, quyết định:

a) Các khu vực, địa bàn hoặc loại đồ án quy hoạch chi tiết đối với các dự án đầu tư xây dựng nhà ở thương mại, khu đô thị không phải dành quỹ đất ở tại dự án để xây dựng nhà ở xã hội;

b) Bố trí thay thế quỹ đất xây dựng nhà ở xã hội tương đương vào trong các khu nhà ở xã hội trên địa bàn Thủ đô đối với các dự án đầu tư xây dựng nhà ở thương mại, khu đô thị có quy mô sử dụng đất từ 02ha đến dưới 10ha khi doanh nghiệp đầu tư dự án nộp số tiền tương ứng với quỹ đất 20% vào Quỹ đầu tư phát triển Thành phố để phát triển nhà ở xã hội.

Điều 31. Chính sách phát triển đô thị thuộc Thủ đô

1. Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định:

a) Việc sử dụng ngân sách thành phố Hà Nội để thực hiện dự án đầu tư công độc lập để thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ tái định cư đối với các dự án đầu tư theo đồ án thiết kế riêng, đồ án quy hoạch đô thị vùng phụ cận của dự án hạ tầng kỹ thuật, xây dựng, chỉnh trang khu đô thị, khu dân cư nông thôn được cấp thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật để thu hồi đất, chỉnh trang, phát triển đô thị, thực hiện tái định cư tại chỗ, tạo quỹ đất để đấu giá lựa chọn nhà đầu tư các dự án phát triển đô thị theo quy định;

b) Chính sách phát triển các thành phố thuộc thành phố Hà Nội và đô thị vệ tinh, đô thị mới, phát triển đô thị theo định hướng giao thông công cộng (TOD), cơ chế chia sẻ lợi ích của các nhà đầu tư với nhà nước và người đang sử dụng đất;

c) Các công trình hạ tầng kỹ thuật giao thông và các dự án phát triển đô thị, khu thương mại, du lịch, khu công nghiệp trong khu vực và hai bên đường để tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư có đủ năng lực; tổ chức lựa chọn nhà đầu tư trong số các nhà đầu tư chiến lược để thực hiện dự án phức hợp, nhóm dự án;

d) Cơ chế, biện pháp đầu tư, trong đó các dự án xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật được đầu tư theo hình thức đấu thầu, đặt hàng, nhà đầu tư ứng vốn triển khai đầu tư không tính lãi, thành phố Hà Nội thanh toán theo tiến độ và quyết toán được phê duyệt (đối với tuyến đường không thu được phí) và theo hình BOT (đối với dự án xây dựng công trình giao thông có thể thu phí như đường sắt đô thị, đường giao thông trên cao...). Các nhà đầu tư được lựa chọn đầu tư xây dựng các khu đô thị trong khu vực, các đầu mối giao thông trong dự án TOD, các khu thương mại, du lịch, công nghiệp hai bên tuyến đường, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính theo quy định (như chính sách áp dụng cho những dự án khác trên địa bàn), nhà đầu tư trích lợi nhuận trước thuế để bù đắp cho dự án đầu tư xây dựng đường giao thông;

đ) Cơ chế, giải pháp thu hồi đất, đền bù giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án đối với cả dự án phức hợp hoặc nhóm dự án theo cơ chế chia sẻ lợi ích để người dân, doanh nghiệp có đất phải thu hồi được bảo đảm về việc làm, có điều kiện sống tốt hơn, hưởng lợi trực tiếp từ hoạt động đầu tư hạ tầng giao thông kết nối đô thị trung tâm với các khu đô thị mới, đô thị vệ tinh, thành phố mới.

2. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục đầu tư, xây dựng các dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư quy định tại điểm a khoản 1 Điều này được thực hiện theo trình tự, thủ tục đối với các dự án đầu tư công nhóm A theo tiêu chí quy định tại Luật Đầu tư công.

Điều 32. Cải tạo, chỉnh trang, tái thiết đô thị

1. Việc cải tạo, phục hồi nhà cổ, biệt thự cũ và các công trình kiến trúc khác xây dựng trước năm 1954 phải bảo đảm bảo vệ, phát huy giá trị kiến trúc theo quy định của pháp luật.

2. Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định:

a) Chính sách, lộ trình giãn dân ở khu vực nội đô lịch sử; cơ chế khuyến khích, ưu đãi trong cải tạo, trùng tu, bảo tồn các công trình kiến trúc có giá trị văn hóa, lịch sử: nhà cổ, biệt thự cũ và công trình kiến trúc khác chỉnh trang, tái thiết đô thị;

b) Chính sách đầu tư, phát triển các khu dân cư mới, cơ chế hỗ trợ, đền bù để bố trí định cư cho các hộ dân di dời;

c) Cơ chế khuyến khích, hỗ trợ tổ chức, người dân đầu tư, cải tạo, chỉnh trang, tái thiết nhà ở tại các phố cổ, phố cũ theo quy chế quản lý quy hoạch - kiến trúc phố cổ, phố cũ và thiết kế đô thị;

d) Chính sách hỗ trợ, ưu đãi, đối với việc cải tạo, trùng tu, bảo tồn các công trình kiến trúc có giá trị văn hóa, lịch sử (nhà cổ, biệt thự cũ và các công trình

kiến trúc khác có giá trị);

đ) Các nguyên tắc hợp tác giữa Nhà nước và tư nhân trong thực hiện công tác cải tạo, chỉnh trang, tái thiết đô thị; khuyến khích cơ chế đối tác công tư, thực hiện xã hội hóa trong thực hiện công tác cải tạo, chỉnh trang, tái thiết đô thị;

e) Biện pháp khuyến khích khai thác hiệu quả và bền vững các công trình văn hóa, lịch sử, các không gian công cộng (như phố đi bộ, vỉa hè, quảng trường,...) trong phát triển kinh tế khu vực đô thị. Thử nghiệm có kiểm soát mô hình kinh tế đô thị, bao gồm phát triển các khu thúc đẩy thương mại, văn hoá (BID);

g) Một số ô phố, tuyến phố đặc trưng có sự ảnh hưởng mạnh của kiến trúc nước ngoài, kiến trúc đặc trưng của Việt Nam theo từng thời kỳ lịch sử để phục hồi, bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa khu vực nội đô lịch sử;

h) Hoán đổi vị trí, chức năng của ô đất tại quy hoạch chi tiết trong khu vực nội đô lịch sử để tái cấu trúc, tái khai thác các nguồn lực có giá trị kiến trúc, văn hóa, lịch sử ở khu vực nội đô lịch sử.

4. Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội quy định:

a) Điều kiện, tiêu chuẩn, quy chuẩn kiến trúc xây dựng; biện pháp bảo tồn, quản lý, khai thác sử dụng các công trình để cải tạo, chỉnh trang, tái thiết đô thị và bảo tồn, phát huy giá trị khu vực nội đô lịch sử;

b) Việc đấu thầu cho thuê biệt thự cũ thuộc sở hữu nhà nước để kinh doanh du lịch, dịch vụ văn hóa, nghệ thuật, ẩm thực; được đấu giá bán biệt thự cũ (trừ công trình có giá trị đặc biệt hoặc công trình có hiệu quả cao về cho thuê) gắn với cam kết về giữ gìn, tôn tạo, bảo trì công trình.

Quỹ đất của các cơ quan, đơn vị, cơ sở sản di dời ra khỏi khu nội đô lịch sử, đô thị trung tâm theo quy định tại khoản 1 Điều 20 của Luật này được ưu tiên đầu tư xây dựng, các công trình công cộng, phục vụ tái thiết đô thị và bảo tồn phát huy giá trị văn hóa cho khu vực nội đô lịch sử.

6. Cho phép thành lập Quỹ Bảo tồn, tái thiết khu nội đô lịch sử của Thủ đô Hà Nội để thực hiện cải tạo, chỉnh trang, tái thiết đô thị gắn với bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa khu vực nội đô lịch sử.

7. Quỹ Bảo tồn, tái thiết khu nội đô lịch sử của Thủ đô Hà Nội hoạt động theo các quy định sau đây:

a) Quỹ Hoạt động không vì mục đích lợi nhuận; bảo đảm công khai, minh bạch, hiệu quả; quản lý, sử dụng đúng mục đích và phù hợp với quy định của pháp luật;

b) Nguồn thu của Quỹ được hình thành từ: phân hỗ trợ vốn điều lệ từ ngân sách thành phố Hà Nội; nguồn thu khác của Quỹ xuất phát từ các khoản đóng góp của các chủ đầu tư xây dựng các khu đô thị mới, cá nhân kinh doanh dịch vụ, du lịch tại khu vực nội đô lịch sử, các khu thúc đẩy thương mại, văn hoá trích một phần lợi nhuận để nộp quỹ và huy động, tiếp nhận các nguồn tài trợ của các tổ chức, cá nhân khác;

c) Nhiệm vụ chi của Quỹ: hỗ trợ người dân thực hiện cải tạo, chỉnh trang, tái thiết đô thị gắn với bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa khu vực nội đô lịch sử ngoài nhiệm vụ chi của ngân sách nhà nước.

Quỹ Bảo tồn, tái thiết khu nội đô lịch sử của Thủ đô Hà Nội được Chính phủ thành lập và giao cho thành phố Hà Nội trực tiếp quản lý.

Điều 33. Đầu tư phát triển hạ tầng kỹ thuật

1. Hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị của Thủ đô được xây dựng, phát triển đồng bộ, hiện đại, bảo đảm định hướng lâu dài và kết nối Thủ đô với các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong Vùng Thủ đô và cả nước.

2. Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định:

a) Chính sách ưu tiên đầu tư và huy động các nguồn lực để đầu tư xây dựng, phát triển, bảo trì, bảo dưỡng các công trình hạ tầng kỹ thuật có quy mô lớn, quan trọng, các công trình ngầm công cộng trên địa bàn Thủ đô;

b) Chính sách thu hút, huy động nguồn lực đầu tư các dự án xử lý chất thải rắn, nước thải, cấp thoát nước, chiếu sáng;

c) Ưu đãi cho việc xây dựng các công trình ngầm, khai thác không gian ngầm trên địa bàn Thủ đô;

d) Điều kiện, quyền, trách nhiệm của nhà đầu tư chiến lược trong việc đề xuất xây dựng quy hoạch phân khu đô thị.

Điều 34. Phát triển, quản lý hạ tầng giao thông

1. Hệ thống giao thông vận tải trên địa bàn Thủ đô được quy hoạch, xây dựng, phát triển đồng bộ, hiện đại, bảo đảm sự liên kết giữa Thủ đô với các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong Vùng Thủ đô và cả nước, phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh; tập trung đầu tư và huy động các nguồn lực đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng giao thông và hệ thống vận tải hành khách công cộng trên địa bàn Thủ đô.

2. Các đoạn tuyến quốc lộ, vành đai, đường Hồ Chí Minh đi qua địa bàn Thủ đô và đường cao tốc đô thị nằm hoàn toàn trên địa bàn Thủ đô được giao cho Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội tổ chức quản lý, bảo trì.

3. Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội ban hành quy định:

a) Ưu tiên phát triển hệ thống vận tải hành khách công cộng khối lượng lớn; khuyến khích đầu tư xây dựng, khai thác bến xe, bãi đỗ xe ô tô và các phương tiện cơ giới khác;

b) Khuyến khích áp dụng công nghệ cao trong quản lý, điều hành hệ thống giao thông vận tải;

c) Ưu tiên phát triển đô thị theo định hướng giao thông công cộng và huy động nguồn lực phát triển đường sắt đô thị, đường vành đai, trung tâm logistic, giao thông trong Vùng Thủ đô.

Điều 35. Phát triển nông nghiệp, nông thôn

1. Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định các biện pháp khuyến khích phát triển nông nghiệp, nông thôn cao hơn và ngoài các chính sách Trung ương ban hành:

a) Khuyến khích, hỗ trợ nghiên cứu nuôi cấy mô, xây dựng Tháp giống, phát triển các giống cây trồng, vật nuôi đặc sản bản địa có giá trị cao, nhập khẩu các loại giống gốc cây trồng, vật nuôi có năng suất, chất lượng cao, thích ứng với biến đổi khí hậu để hình thành các cơ sở sản xuất giống, cung cấp cho sản xuất của Thủ đô và cả nước; khuyến khích phát triển sinh vật cảnh, trồng cây vùng nội đô và cây dược liệu;

b) Hỗ trợ chuyển giao ứng dụng khoa học - công nghệ trong sản xuất, chế biến và kinh doanh nông nghiệp theo chuỗi tuần hoàn, tạo thành chuỗi giá trị nông sản chủ lực, sản phẩm đặc sản, lợi thế của từng vùng của Thủ đô; phát triển thị trường công nghệ nông nghiệp trên cơ sở bảo đảm quyền sở hữu trí tuệ, nhãn hiệu hàng hoá gắn với tiêu chuẩn và thương hiệu địa phương;

c) Hỗ trợ về hạ tầng, giống, quảng bá sản phẩm, đào tạo bồi dưỡng, lãi suất vốn vay cho các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp đầu tư vào phát triển nông nghiệp sinh thái, du lịch nông thôn, du lịch trải nghiệm, nông nghiệp hữu cơ, tuần hoàn của Thủ đô;

d) Hỗ trợ 100% phí bảo hiểm nông nghiệp cho các đối tượng thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo sản xuất nông nghiệp đối với trồng lúa, chăn nuôi bò, lợn;

Hỗ trợ 50% phí bảo hiểm nông nghiệp đối với hoạt động sản xuất nông nghiệp được quy định tại điểm a, b, c khoản này.

đ) Khuyến khích phát triển Kinh tế tập thể, kinh tế trang trại, liên kết với phát triển du lịch nông nghiệp sinh thái gắn với tiêu thụ sản phẩm nông thôn, sản phẩm làng nghề giàu bản sắc văn hoá Thủ đô; bố trí quỹ đất phù hợp để cho các hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới được thuê đất với ưu đãi hợp lý về tiền thuê đất

và thời gian thuê;

e) Hỗ trợ về công nghệ, kỹ thuật, vay vốn để chuyển đổi nghề phù hợp với định hướng phát triển nông nghiệp sinh thái, công nghệ cao, dịch vụ hỗ trợ đô thị; Hỗ trợ đào tạo nghề theo nhu cầu của hợp tác xã, doanh nghiệp và thị trường gắn với giải quyết việc làm phù hợp với nhu cầu chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn, đáp ứng yêu cầu phát triển nông nghiệp sinh thái, công nghệ cao và chuyển đổi số nông nghiệp;

g) Hỗ trợ nông dân, người lao động tại các tổ chức kinh tế tập thể trong lĩnh vực nông nghiệp tham gia bảo hiểm xã hội, tham gia tổ chức công đoàn, tổ chức đại diện bảo vệ người lao động ở cơ sở.

2. Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội quyết định:

a) Phê duyệt, ban hành quy chế hoạt động khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao;

b) Cấp phép các hoạt động có liên quan đến đề điều trên địa bàn Thành phố;

c) Các hình thức sử dụng, khai thác quỹ đất nông nghiệp ở bãi sông phù hợp với quy hoạch.

Điều 36. Các biện pháp bảo vệ Thủ đô, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội

1. Xây dựng các khu vực phòng thủ bảo vệ Thủ đô, các phương án bảo đảm an toàn cho Thủ đô trong mọi tình huống; bảo vệ vững chắc an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn Thủ đô bằng các biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn, đấu tranh có hiệu quả; mọi vi phạm pháp luật phải được phát hiện, ngăn chặn, xử lý kịp thời, nghiêm minh.

2. Việc xử phạt vi phạm hành chính trên địa bàn Thủ đô được thực hiện theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và các quy định sau đây:

Phương án 1:

a) Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định mức tiền phạt cao hơn nhưng không quá 02 lần mức tiền phạt tối đa do Chính phủ quy định đối với một số hành vi vi phạm hành chính tương ứng trong các lĩnh vực văn hóa, quảng cáo, đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, an toàn thực phẩm;

b) Áp dụng biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý vi phạm hành chính bằng việc yêu cầu các doanh nghiệp, tổ chức cung ứng dịch vụ điện, nước ngừng cung cấp dịch vụ đối với công trình, cơ sở sản xuất, kinh doanh vi phạm trong các lĩnh vực đất đai, xây dựng, phòng cháy, chữa cháy trên địa bàn Thủ đô.

c) Các chức danh có thẩm quyền phạt tiền đối với các hành vi vi phạm hành chính do Chính phủ quy định trong các lĩnh vực quy định tại điểm a có

thẩm quyền xử phạt tương ứng với mức tiền phạt cao hơn đối với các hành vi vi phạm trong lĩnh vực đó. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp ở thành phố Hà Nội có thẩm quyền áp dụng các biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý vi phạm hành chính quy định tại điểm b khoản này.

Phương án 2:

a) Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định mức tiền phạt cao hơn nhưng không quá 02 lần mức tiền phạt tối đa do Chính phủ quy định đối với một số hành vi vi phạm hành chính tương ứng trong các lĩnh vực văn hóa, quảng cáo, đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, an toàn thực phẩm;

b) Các chức danh có thẩm quyền phạt tiền đối với các hành vi vi phạm hành chính do Chính phủ quy định trong các lĩnh vực quy định tại điểm a khoản này có thẩm quyền xử phạt tương ứng với mức tiền phạt cao hơn đối với các hành vi vi phạm trong lĩnh vực đó.

Chương IV

TÀI CHÍNH, NGÂN SÁCH VÀ HUY ĐỘNG NGUỒN LỰC ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỦ ĐÔ

Điều 37. Huy động nguồn lực tài chính, ngân sách cho phát triển Thủ đô

1. Ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu và thưởng cho Thủ đô tương ứng toàn bộ số tăng thu ngân sách trung ương so với dự toán Thủ tướng Chính phủ giao, nhưng không vượt quá số tăng thu ngân sách trung ương trên địa bàn so với thực hiện thu năm trước từ các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách thành phố, các khoản thu ngân sách trung ương hưởng 100% vượt so với dự toán Thủ tướng Chính phủ giao, trừ các khoản sau:

- a) Khoản thu thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu;
- b) Khoản chênh lệch thu, chi của Ngân hàng nhà nước;
- c) Khoản thu không giao cho thành phố Hà Nội quản lý thu, không phát sinh trên địa bàn Thành phố nhưng hạch toán nộp ở Thành phố;
- d) Các khoản thu đã được cấp có thẩm quyền cho phép sử dụng cho nhiệm vụ chi cụ thể;

đ) Các khoản hạch toán ghi thu, ghi chi và các khoản thu được để lại đơn vị chi quản lý qua ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

2. Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội được quy định một số loại phí chưa được quy định trong Danh mục phí, lệ phí ban hành kèm theo Luật Phí và lệ phí; điều chỉnh mức hoặc tỷ lệ thu phí đã được cấp có thẩm quyền quyết định đối với

các loại phí được quy định trong Danh mục phí, lệ phí ban hành kèm theo Luật Phí và lệ phí, trừ án phí, lệ phí Tòa án.

3. Ngân sách thành phố Hà Nội được hưởng 100% số thu tăng thêm từ các khoản thu phí quy định tại khoản 2 Điều này để đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội và chi hoạt động kinh tế, khoa học và công nghệ, giáo dục, y tế và phúc lợi xã hội thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách thành phố Hà Nội và không dùng để xác định tỷ lệ phần trăm (%) đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách thành phố Hà Nội.

4. Việc thu phí, lệ phí trên địa bàn Thủ đô quy định tại khoản 3 Điều này phải tuân thủ các nguyên tắc: bảo đảm có lộ trình, phù hợp với khả năng và yêu cầu phát triển của Thành phố; tạo môi trường sản xuất, kinh doanh thuận lợi cho doanh nghiệp, nhất là đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa, ngành, nghề ưu đãi đầu tư; không gây ra tiêu cực, ảnh hưởng đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội; bảo đảm sự thống nhất của thị trường, không cản trở lưu thông hàng hóa, dịch vụ; thực hiện điều tiết hợp lý đối với một số hàng hóa, dịch vụ và nguồn thu nhập hợp pháp của tổ chức, cá nhân trên địa bàn Thành phố; bảo đảm công khai, minh bạch, cải cách hành chính nhà nước.

5. Ngân sách thành phố Hà Nội được hưởng 50% khoản thu tiền sử dụng đất khi bán tài sản công gắn liền trên đất theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công sau khi đã trừ chi phí liên quan đến việc bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất và kinh phí di dời, xây dựng cơ sở vật chất tại địa điểm mới do cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc Trung ương quản lý (không bao gồm cơ quan, đơn vị thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh) trên địa bàn thành phố Hà Nội để đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội thuộc nhiệm vụ đầu tư công của thành phố Hà Nội.

6. Thành phố Hà Nội được vay lại với tổng mức dư nợ vay không vượt quá 120% số thu ngân sách Thành phố được hưởng theo phân cấp. Tổng mức vay và bội chi ngân sách thành phố Hà Nội hàng năm do Quốc hội quyết định theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước. Hằng năm, trong quá trình chấp hành ngân sách, Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội được chủ động quyết định cụ thể nguồn vay trong nước và nguồn vay lại vốn vay nước ngoài của Chính phủ, nhưng phải đảm bảo trong tổng mức vay và mức bội chi ngân sách Thành phố đã được Quốc hội quyết định, Thủ tướng Chính phủ giao.

7.

Phương án 1: Ngân sách thành phố Hà Nội được giữ lại 100% các khoản thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất thuộc thẩm quyền quản lý của Thành phố để tạo nguồn lực đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế, xã hội và các dự án, công trình, dự án trọng điểm, có tính chiến lược của Thủ đô, Vùng Thủ đô, các dự án

đầu tư theo phương thức đối tác công tư, dự án phát triển đô thị theo định hướng giao thông công cộng (TOD), hỗ trợ di dời các cơ sở, đơn vị thuộc danh mục phải di dời theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ và Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội theo quy định tại khoản 1 Điều 19 của Luật này.

Phương án 2: Không quy định nội dung này tại dự thảo Luật Thủ đô mà sẽ nghiên cứu quy định tại Luật Ngân sách nhà nước khi Luật này sửa đổi, bổ sung.

8. Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân và các cấp chính quyền của thành phố Hà Nội có trách nhiệm sử dụng đúng mục đích, hiệu quả nguồn ngân sách được Nhà nước phân bổ, hỗ trợ và các nguồn vốn huy động khi thực hiện các chương trình, dự án xây dựng, phát triển Thủ đô.

Điều 38. Sử dụng nguồn lực tài chính, ngân sách cho phát triển Thủ đô

1. Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội được quyết định sử dụng nguồn cải cách tiền lương còn dư của ngân sách cấp thành phố và cho phép ngân sách cấp dưới sử dụng nguồn cải cách tiền lương còn dư để đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội thuộc nhiệm vụ chi của các cấp ngân sách địa phương thành phố Hà Nội sau khi đã dành nguồn để thực hiện chi thu nhập tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức Thủ đô theo quy định tại khoản 1 Điều 18 của Luật này.

2. Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội được quyết định sử dụng nguồn kinh phí chi thường xuyên của ngân sách địa phương để nâng cấp, cải tạo, mở rộng công trình tài sản công; bổ sung hạng mục trong phạm vi công trình tài sản công đã có do Thành phố quản lý và xây dựng mới các hạng mục công trình phụ trợ thiết yếu trong cơ sở đã có của cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, đơn vị thuộc tổ chức chính trị - xã hội do thành phố Hà Nội quản lý. Trường hợp đầu tư xây dựng mới các hạng mục công trình thiết yếu có giá trị từ 02 tỷ đồng trở lên phải được cấp có thẩm quyền phê duyệt dự án hoặc có quyết định phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật kèm theo báo cáo kinh tế kỹ thuật đối với công trình chỉ lập báo cáo kinh tế kỹ thuật trước khi phân bổ dự toán và phải thực hiện đấu thầu, quản lý như dự án đầu tư công.

3. Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội được quyết định tạm ứng Quỹ dự trữ tài chính để triển khai thực hiện các dự án đầu tư đã có trong kế hoạch đầu tư công trung hạn, đã có quyết định phê duyệt dự án và thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách thành phố Hà Nội trong trường hợp cần đẩy nhanh tiến độ thực hiện. Thời gian mỗi khoản tạm ứng không quá 36 tháng kể từ ngày tạm ứng. Tổng các khoản tạm ứng này tại một thời điểm không quá 50% số dư Quỹ dự trữ tài chính của thành phố Hà Nội đến ngày 31 tháng 12 của năm trước.

4. Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội được bố trí kinh phí từ ngân sách hỗ trợ di dời, xây dựng mới, bố trí đất cho các cơ sở sản xuất, cơ sở giáo dục đại

học, giáo dục nghề nghiệp, bệnh viện trong đô thị trung tâm; hỗ trợ di chuyển trụ sở các cơ quan Trung ương theo biện pháp, lộ trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Các cơ quan, đơn vị sau khi di chuyển phải bàn giao tài sản, nhà đất cho cơ quan có thẩm quyền của thành phố Hà Nội để sử dụng theo quy hoạch.

5. Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội được quyết định sử dụng ngân sách cấp Thành phố hỗ trợ các địa phương khác trong nước, các địa phương tại các nước khác trong các trường hợp cần thiết; cho phép cấp huyện sử dụng ngân sách cấp mình để hỗ trợ các quận, huyện, thị xã khác của thành phố Hà Nội và các đơn vị cấp huyện thuộc các tỉnh, thành phố khác trên cả nước trong việc phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh, thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia về dân tộc thiểu số và miền núi, giảm nghèo bền vững, xây dựng nông thôn mới, thực hiện các nhiệm vụ an sinh xã hội và đầu tư các công trình trọng điểm có tính kết nối, liên vùng.

6. Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quyết định sử dụng ngân sách Thành phố để thực hiện dự án đầu tư, công trình, dự án trọng điểm có tính chất vùng, liên tỉnh nằm trên ranh giới, địa giới hành chính giữa Thủ đô và địa phương khác, các dự án quốc lộ, cao tốc đi qua địa bàn Thủ đô phù hợp với quy hoạch và kế hoạch đầu tư công được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

7. Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách mới hoặc cao hơn của Trung ương để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an sinh xã hội, quốc phòng, an ninh và trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn Thủ đô, phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách thành phố Hà Nội mà ngân sách trung ương không hỗ trợ.

Điều 39. Cơ chế thu hút đầu tư xã hội và cơ chế thực hiện đầu tư

1. Thành phố Hà Nội được áp dụng các cơ chế thu hút đầu tư xã hội và cơ chế thực hiện đầu tư sau đây:

a) Đầu tư theo phương thức đối tác công tư đối với các dự án trong lĩnh vực văn hóa, thể thao. Trình tự, thủ tục thực hiện các dự án này thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư và pháp luật có liên quan. Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định quy mô tổng mức đầu tư tối thiểu của dự án PPP; được quyết định tăng tỷ lệ vốn nhà nước tham gia các dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư không lớn hơn 70% tổng mức đầu tư của dự án đối với các dự án có chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng chiếm tỷ trọng lớn hơn 50% trong tổng mức đầu tư của dự án và phương án tài chính sơ bộ của dự án PPP không đảm bảo khả năng hoàn vốn;

b) Thực hiện các dự án đầu tư phát triển đô thị theo định hướng giao thông (TOD) trên địa bàn Thủ đô và thuộc Vùng Thủ đô theo cơ chế dự án phát triển

đô thị và dự án giao thông nằm trong một tổng dự án; Thành phố Hà Nội quy hoạch và thu hồi đất tại vùng phụ cận tại các điểm kết nối giao thông, thu hồi đất tại vùng phụ cận theo quy hoạch tại các điểm kết nối giao thông và khai thác quyền sử dụng đất, không gian ngầm, không gian trên cao tại các điểm đầu nối và vùng phụ cận theo hình thức đấu giá hoặc đấu thầu để tạo nguồn lực đầu tư cho dự án giao thông; Thành phố Hà Nội được giữ lại nguồn lực từ đấu giá, đấu thầu quyền sử dụng đất, không gian ngầm, không gian trên cao của điểm kết nối giao thông và vùng phụ cận và được phân bổ toàn bộ kinh phí thu được vào xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội để phát triển hệ thống giao thông;

c) Thực hiện phương thức quản lý, vận hành và khai thác tài sản công theo phương thức nhượng quyền kinh doanh, quản lý (O&M) đối với một số công trình trọng điểm do thành phố Hà Nội quản lý và áp dụng phương thức xây dựng, chuyển giao, thuê dịch vụ (BTL) hoặc xây dựng thuê dịch vụ chuyển giao (BLT) đối với các công trình do tư nhân xây dựng, sở hữu và Thành phố Hà Nội có nhu cầu sử dụng cho các mục đích công cộng;

d) Quyết định lựa chọn áp dụng các quy chuẩn, tiêu chuẩn quốc tế về đường sắt đô thị cao hơn hoặc bằng với quy chuẩn, tiêu chuẩn Việt Nam nhằm áp dụng thống nhất đối với toàn bộ các dự án đường sắt đô thị tại Thủ đô và vùng Thủ đô;

đ) Thực hiện các chương trình, dự án trọng điểm, các dự án thuộc Danh mục dự án, ngành nghề thu hút nhà đầu tư chiến lược vào Thủ đô theo cơ chế thử nghiệm có kiểm soát, bao gồm áp dụng thử nghiệm quy trình thủ tục hành chính, quản lý quy hoạch; được chuyển đổi mô hình quản lý đầu tư, quản lý dự án theo kết quả, hiệu quả dự án thay vì quản lý chi phí như đơn giá, khối lượng đầu vào;

e) Quy định cơ chế, biện pháp góp vốn bằng quyền sử dụng đất, tái điều chỉnh điều chỉnh đất đai trong các trường hợp: tập trung đất nông nghiệp để thực hiện sản xuất; thực hiện dự án chỉnh trang, tái thiết, phát triển đô thị; thực hiện dự án chỉnh trang, phát triển khu dân cư nông thôn, mở rộng, nâng cấp đường giao thông nông thôn; cải tạo, nâng cấp hoặc xây dựng lại các khu nhà chung cư; mở rộng, nâng cấp đường giao thông trong đô thị.

Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định chi tiết khoản này.

2. Thực hiện dự án đầu tư thuộc các lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật, giao thông, hạ tầng xã hội theo phương thức xây dựng - chuyển giao (hợp đồng BT) theo các quy định sau đây:

a) Thành phố Hà Nội được thực hiện dự án đầu tư theo Hợp đồng BT bảo đảm hiệu quả kinh tế - xã hội, chất lượng công trình dự án, không gây thất thoát

ngân sách nhà nước;

b) Được đầu giá quyền khai thác, sử dụng đất, mặt nước, không gian ngầm hay không gian trên cao và các tài sản khác phù hợp với quy định của pháp luật và sử dụng nguồn lực từ đầu giá quyền khai thác sử dụng đất, không gian để chi trả cho dự án BT. Được giữ lại và bố trí ngân sách từ tiền thu được từ đầu giá tài sản, quyền khai thác, sử dụng đất, mặt nước, không gian ngầm hay không gian trên cao để thanh toán cho nhà đầu tư dự án BT;

c) Được quyết định sử dụng vốn ngân sách Thành phố để thanh toán cho nhà đầu tư dự án BT;

d) Các dự án xây dựng công trình trong dự án BT được thực hiện theo hình thức đầu giá, phương thức đối tác công tư và hình thức hợp đồng chìa khóa trao tay;

đ) Việc thanh toán cho các Hợp đồng BT được thực hiện trên cơ sở sau khi công trình hoặc hạng mục công trình vận hành độc lập được hoàn thành nghiệm thu, kiểm toán và căn cứ giá trị, tiến độ quy định trong Hợp đồng BT;

e) Thẩm quyền, trình tự, thủ tục về lập, thẩm định, phê duyệt, quản lý dự án, chi phí đầu tư, chất lượng xây dựng công trình, dự án thực hiện theo Hợp đồng BT được thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư công và Luật Xây dựng. Dự án chỉ được quyết định chủ trương đầu tư khi xác định được nguồn vốn và khả năng cân đối vốn. Tổng mức đầu tư của dự án BT được xác định như đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công về xây dựng, lãi vay và lợi nhuận hợp lý;

g) Thẩm quyền, trình tự, thủ tục lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án BT thực hiện như dự án PPP theo pháp luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư. Việc lựa chọn nhà đầu tư dự án thực hiện theo Hợp đồng BT được thực hiện sau khi thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở được phê duyệt;

h) Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội quy định tiêu chuẩn đánh giá về năng lực, kinh nghiệm, kỹ thuật, tài chính;

i) Chính phủ quyết định về lãi vay, lợi nhuận hợp lý, phương thức thanh toán, quyết toán thực hiện dự án BT.

3. Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội được thành lập Công ty đầu tư, phát triển cơ sở hạ tầng và kinh doanh vốn Nhà nước và quản lý khai thác tài sản thuộc sở hữu 100% vốn Nhà nước theo Đề án thành lập do Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội thông qua:

a) Doanh nghiệp được thành phố Hà Nội giao 100% vốn điều lệ. Thành phố Hà Nội được quyết định bổ sung vốn điều lệ, uỷ thác vốn để thực hiện dự án theo nhiệm vụ Thành phố giao. Doanh nghiệp được quyền huy động các nguồn vốn từ các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp

luật với các hình thức như vay vốn, phát hành trái phiếu, tiếp nhận các nguồn tài trợ, vốn ủy thác. Doanh nghiệp được tổ chức phát triển quỹ đất từ các dự án cơ sở hạ tầng kỹ thuật theo quy định của pháp luật về đất đai và luật này;

b) Doanh nghiệp thực hiện dự án đầu tư kết cấu cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, các công trình, dự án trọng điểm về giao thông kết nối, giao thông đô thị, văn hóa, giáo dục, y tế, khoa học công nghệ, bảo vệ môi trường và các ngành kinh tế quan trọng của Thủ đô. Doanh nghiệp có thể thành lập công ty con hoặc được tham gia góp vốn vào các doanh nghiệp khác để thực hiện các nhiệm vụ phát triển cơ sở hạ tầng, quản lý tài sản công của Thành phố, được ủy thác tham gia ký kết các hợp đồng hợp tác đầu tư theo phương thức đối tác công tư, quản lý dự án TOD, ký kết các hợp đồng O&M thực hiện bảo hành, bảo trì trong các dự án PPP, TOD, triển khai các mô hình quản lý, khai thác tài sản công theo phương thức nhượng quyền kinh doanh, quản lý (O&M) của thành phố Hà Nội, ký kết các hợp đồng O&M, BLT, BTL và thực hiện các hoạt động kinh doanh khác theo quy định tại điều lệ của doanh nghiệp do UBND thành phố Hà Nội phê duyệt.

4. Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định:

a) Việc tách riêng công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng thành dự án độc lập khi phê duyệt chủ trương đầu tư dự án tổng thể; quyết định mục tiêu, quy mô, tổng mức đầu tư, cơ cấu nguồn vốn, địa điểm đầu tư của dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng tại quyết định chủ trương đầu tư dự án tổng thể;

Trường hợp điều chỉnh dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng phát sinh yếu tố phải điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án tổng thể, Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội thực hiện điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án tổng thể trước khi Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố điều chỉnh dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng. Việc điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án tổng thể và điều chỉnh dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công và quy định khác của pháp luật có liên quan.

b) Danh mục các dự án đầu tư thực hiện tách dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng ra khỏi dự án đầu tư quy định tại Điều này;

c) Thẩm quyền, trình tự, thủ tục đầu tư, xây dựng đối với các dự án quy định tại khoản 4 Điều này được thực hiện theo trình tự, thủ tục của dự án đầu tư công nhóm A theo tiêu chí quy định tại Luật Đầu tư công.

5. Căn cứ chủ trương đầu tư dự án tổng thể, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội quyết định đầu tư, điều chỉnh dự án bồi thường, hỗ trợ, tái

định cư, giải phóng mặt bằng trong phạm vi mục tiêu, quy mô, tổng mức đầu tư, cơ cấu nguồn vốn, địa điểm thực hiện dự án tổng thể.

Điều 40. Thẩm quyền về đầu tư

1. Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định:

a) Danh mục các lĩnh vực, hàng hóa, dịch vụ công cần khuyến khích đầu tư kinh doanh trên địa bàn Thủ đô;

b) Danh mục chương trình, công trình, dự án trọng điểm của Thủ đô; biện pháp khuyến khích đầu tư và phương thức thực hiện;

c) Quyết định lựa chọn áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc tế; Ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí, đơn giá trong các lĩnh vực, phương thức thanh toán ngoài các quy định trong văn bản quy phạm pháp luật do cơ quan nhà nước ở Trung ương ban hành, phù hợp với tình hình thực tế, đặc điểm và nhu cầu xây dựng, phát triển Thủ đô.

Quyết định các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn Thủ đô, phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách thành phố Hà Nội mà ngân sách trung ương không hỗ trợ.

2. Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội có thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư đối với các dự án đầu tư theo Luật Đầu tư có chuyên mục đích sử dụng đất trồng lúa nước từ 02 vụ trở lên với quy mô từ 500ha trở lên.

3. Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quyết định chủ trương đầu tư đối với các dự án thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật về đầu tư công và có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư đối với các dự án sau:

a) Sử dụng vốn đầu tư công từ 10.000 tỷ đồng trở lên;

b) Sử dụng đất có yêu cầu chuyển mục đích sử dụng đất rừng phòng hộ từ 50 ha trở lên; rừng sản xuất từ 1.000 ha trở lên;

c) Sử dụng đất có yêu cầu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa nước từ hai vụ trở lên với quy mô từ 500 ha trở lên;

d) Dự án sử dụng ngân sách trung ương, nguồn vốn ODA, vốn vay ưu đãi của nước ngoài giao thành phố Hà Nội làm chủ đầu tư; dự án sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước kết hợp với nguồn vốn ngoài ngân sách;

đ) Các dự án đầu tư công bằng vốn ngân sách của Hà Nội tại địa bàn tỉnh khác hoặc dự án liên tỉnh nằm trong Vùng Thủ đô phù hợp với quy hoạch và kế hoạch đầu tư công được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội có thẩm quyền chấp thuận chủ

trương đầu tư đối với các dự án theo quy định của Luật Đầu tư, Luật Công nghệ cao và các dự án sau:

a) Dự án đầu tư có kinh doanh đặt cược, ca-si-nô (casino);

b) Dự án đầu tư xây dựng nhà ở (để bán, cho thuê, cho thuê mua), khu đô thị có quy mô sử dụng đất từ 300 ha trở lên hoặc quy mô dân số từ 50.000 người trở lên;

c) Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất; khu công nghệ cao;

5. Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư đối với các dự án đầu tư công nhóm B, C quy định tại Luật Đầu tư công, trừ các dự án đầu tư công nhóm B, C thuộc trường hợp quy định tại điểm d và điểm đ khoản 3 Điều này.

6. Hội đồng nhân dân thành phố thuộc thành phố Hà Nội quyết định chủ trương đầu tư đối với các dự án thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp huyện theo quy định của Luật Đầu tư công và dự án đầu tư công nhóm A sử dụng vốn ngân sách địa phương, bao gồm cả vốn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên, các nguồn vốn hợp pháp của địa phương thuộc cấp mình quản lý, trừ các dự án: dự án thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh có mức độ tuyệt mật; dự án sản xuất chất độc hại, chất nổ; dự án hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao; dự án đường sắt đô thị từ 2.300 tỷ trở lên.

7. Ủy ban nhân dân thành phố thuộc thành phố Hà Nội chấp thuận chủ trương đầu tư đối với các dự án đầu tư trên địa bàn thành phố thuộc thành phố Hà Nội sau đây:

a) Dự án đầu tư có đề nghị Nhà nước giao đất, cho thuê đất không thông qua đấu giá, đấu thầu hoặc nhận chuyển nhượng, dự án đầu tư có đề nghị cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, trừ trường hợp giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân không thuộc diện phải có văn bản chấp thuận của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định của pháp luật về đất đai;

b) Dự án đầu tư xây dựng nhà ở để bán, cho thuê, cho thuê mua, khu đô thị có quy mô sử dụng đất dưới 300 ha và quy mô dân số dưới 50.000 người;

c) Đối với dự án đầu tư quy định tại điểm a và điểm b khoản này thực hiện tại khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao phù hợp với quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư và Luật Công nghệ cao.

Điều 41. Thu hút nhà đầu tư chiến lược

1. Danh mục dự án, ngành, nghề thu hút nhà đầu tư chiến lược vào Thủ đô bao gồm:

a) Đầu tư dự án, công trình trọng điểm, các dự án có tính chiến lược của Thành phố như xây dựng thành phố vệ tinh, xây dựng thành phố thông minh, dự án giao thông đường sắt đô thị, dự án giao thông công cộng lưu lượng lớn nội vùng và liên vùng, dự án khu công nghệ cao, các dự án phức hợp hoặc nhóm các dự án có quy mô lớn về phát triển giao thông đô thị kết hợp với phát triển khu đô thị, khu công nghiệp, khu công nghệ cao, khu chế xuất, thương mại dịch vụ theo mô hình phát triển đô thị theo định hướng phát triển giao thông công cộng (TOD) có quy mô vốn đầu tư từ 25.000 tỷ đồng trở lên;

b) Dự án trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm nghiên cứu và phát triển (R&D) có quy mô vốn đầu tư từ 1.000 tỷ trở lên; dự án nghiên cứu và hỗ trợ chuyên gia trong lĩnh vực trí tuệ nhân tạo, an ninh mạng, công nghệ chuỗi khối, Internet vạn vật; dự án năng lượng sinh khối; dự án công nghệ gen, sinh học phân tử, vaccin; dự án nông nghiệp công nghệ cao; dự án công nghệ chế tạo chip, in 3D, vật liệu tiên tiến, công nghệ vật liệu xây dựng mới; dự án công nghệ dược phẩm, phát triển hệ thống thông tin tín hiệu, điều khiển đường sắt, điều khiển giao thông đô thị, thành phố thông minh có quy mô vốn đầu tư từ 500 tỷ đồng trở lên;

c) Dự án công nghiệp chế tạo, sản xuất mạch tích hợp bán dẫn, chế tạo linh kiện, vi mạch điện tử tích hợp (IC), điện tử linh hoạt (PE), chip bán dẫn, pin công nghệ mới, vật liệu mới, năng lượng tái tạo có quy mô vốn đầu tư từ 15.000 tỷ đồng trở lên; phát triển và chế tạo hệ thống thông tin tín hiệu, điều khiển đường sắt, điều khiển giao thông đô thị, thành phố thông minh có quy mô vốn từ 10.000 tỷ đồng trở lên;

d) Dự án bệnh viện, y tế công nghệ cao, trường đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, bảo vệ môi trường, công nghiệp văn hoá theo các ngành nghề quy định tại khoản 3 Điều 23 có quy mô vốn đầu tư từ 5.000 tỷ đồng trở lên;

đ) Các dự án đầu tư vào Khu Công nghệ cao Hòa Lạc.

2. Nhà đầu tư chiến lược là nhà đầu tư đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:

a) Thực hiện dự án đầu tư thuộc Danh mục dự án, ngành, nghề thu hút nhà đầu tư chiến lược vào Thủ đô quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Chứng minh được năng lực về tài chính, năng lực quản trị, công nghệ và kinh nghiệm thực hiện thành công ít nhất một dự án tương tự với tổng mức đầu tư ít nhất bằng mức vốn quy định đối với danh mục dự án, ngành nghề thu hút nhà đầu tư chiến lược theo quy định tại khoản 1 Điều này;

c) Có cam kết bằng văn bản về đào tạo, phát triển nguồn nhân lực; đáp ứng các yêu cầu về quốc phòng, an ninh và bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật Việt Nam.

3. Nhà đầu tư chiến lược được hưởng các ưu đãi sau đây:

a) Dự án trọng điểm được miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước 10 năm và giảm 50% tiền thuê đất, thuê mặt nước cho thời gian còn lại đối với đối tượng hoặc tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư thuộc trường hợp quy định tại các điểm b, c và d khoản 1 Điều này;

b) Được hỗ trợ một phần chi phí đầu tư của dự án đầu tư từ nguồn ngân sách của Thành phố. Tiêu chí, điều kiện, mức hỗ trợ, hình thức hỗ trợ và thời điểm hỗ trợ cụ thể do Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quyết định;

c) Được ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo mức ưu đãi về thuế cao nhất theo quy định của pháp luật thuế và quy định của Luật này; trường hợp nhà đầu tư thuộc đối tượng điều chỉnh của chính sách thuế tối thiểu thì áp dụng theo điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

d) Được hưởng chế độ ưu tiên về thủ tục hải quan theo quy định của pháp luật về hải quan và thủ tục về thuế theo quy định của pháp luật về thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của dự án đầu tư do nhà đầu tư chiến lược thực hiện tại Thủ đô khi đáp ứng các điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên theo quy định của pháp luật về hải quan và thuế, trừ điều kiện về kim ngạch xuất khẩu, nhập khẩu;

đ) Được đề xuất về quy hoạch, tài trợ sản phẩm quy hoạch phân khu đô thị.

4. Trong quá trình thực hiện dự án trọng điểm, trường hợp nhà đầu tư chiến lược không đáp ứng điều kiện về vốn, tiến độ giải ngân, các điều kiện khác đối với nhà đầu tư chiến lược và cam kết với Thành phố, thì nhà đầu tư chiến lược và cá nhân hoặc tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư không được hưởng ưu đãi quy định tại Luật này. Nhà đầu tư chiến lược và cá nhân hoặc tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư có trách nhiệm liên đới bồi thường cho ngân sách của Thành phố các khoản đã được nhận ưu đãi hơn so với nhà đầu tư khác, đồng thời, phải chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật về các hậu quả phát sinh khác do không thực hiện đúng cam kết của mình.

5. Nhà đầu tư chiến lược được lựa chọn theo trình tự, thủ tục quy định tại khoản 7 Điều này để thực hiện dự án đầu tư thuộc diện ưu tiên thu hút đầu tư quy định tại khoản 1 Điều này và được hưởng các ưu đãi đầu tư quy định tại khoản 3 và có các nghĩa vụ quy định tại khoản 4 Điều này.

6. Căn cứ các dự án thuộc diện ưu tiên thu hút đầu tư quy định tại khoản 1 Điều này, nhà đầu tư hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền đề xuất dự án đầu

tư. Theo thẩm quyền đầu tư quy định tại khoản 2 Điều 39 của Luật này, Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội chấp thuận chủ trương đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc Danh mục dự án, ngành nghề thu hút nhà đầu tư chiến lược vào Thủ đô và với quy mô tổng vốn đầu tư đối với từng loại dự án và ngành, nghề quy định tại khoản 1 Điều này.

7. Đối với dự án đầu tư thuộc đối tượng phải thực hiện thủ tục lựa chọn nhà đầu tư theo quy định pháp luật về đấu thầu được quy định tại Luật Đầu tư; các dự án đầu tư thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, cơ quan có thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất và thuộc diện phải đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư, việc đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư chiến lược để thực hiện các dự án quy định tại khoản 1 Điều này được thực hiện theo thủ tục sau đây:

a) Căn cứ quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư dự án quy định tại khoản 6 Điều này, Cơ quan đăng ký đầu tư có thẩm quyền của thành phố Hà Nội công bố thông tin dự án, yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư và điều kiện xác định nhà đầu tư chiến lược trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

b) Căn cứ nội dung thông tin được công bố quy định tại điểm a khoản này, nhà đầu tư chuẩn bị và nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án. Hồ sơ đăng ký thực hiện dự án của nhà đầu tư bao gồm: văn bản đăng ký thực hiện dự án; hồ sơ về tư cách pháp lý, năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư; các tài liệu chứng minh việc đáp ứng điều kiện quy định tại điểm a khoản này và các tài liệu khác có liên quan (nếu có);

c) Hết thời hạn đăng ký thực hiện dự án, Cơ quan đăng ký đầu tư có thẩm quyền của thành phố Hà Nội tổ chức đánh giá sơ bộ năng lực, kinh nghiệm của các nhà đầu tư đã nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án. Căn cứ kết quả đánh giá sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm, người có thẩm quyền quyết định lựa chọn nhà đầu tư quyết định việc tổ chức thực hiện theo một trong các trường hợp quy định tại các điểm d, điểm đ và điểm e khoản này;

d) Trường hợp chỉ có một nhà đầu tư đã đăng ký và đáp ứng yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm hoặc có nhiều nhà đầu tư đăng ký nhưng chỉ có một nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm thì thực hiện chấp thuận nhà đầu tư đó theo quy định của pháp luật về đầu tư;

đ) Trường hợp có từ hai nhà đầu tư trở lên đáp ứng yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm trong đó chỉ có một nhà đầu tư được xác định đáp ứng điều kiện đối với nhà đầu tư chiến lược quy định tại điểm a khoản này thì thực hiện chấp thuận nhà đầu tư đối với nhà đầu tư chiến lược đó theo quy định của pháp luật về đầu tư;

e) Trường hợp có từ hai nhà đầu tư trở lên đáp ứng yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm trong đó có từ hai nhà đầu tư trở lên được xác định đáp ứng điều kiện đối với nhà đầu tư chiến lược quy định tại điểm a khoản này thì cơ quan nhà nước có thẩm quyền áp dụng hoặc chọn áp dụng pháp luật về đấu thầu để tổ chức lựa chọn nhà đầu tư trong số những nhà đầu tư được xác định đáp ứng điều kiện đối với nhà đầu tư chiến lược;

g) Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội quy định chi tiết về mẫu công bố thông tin dự án thu hút nhà đầu tư chiến lược bao gồm yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư; hồ sơ đăng ký thực hiện dự án.

8. Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định cụ thể phương thức hợp tác công tư giữa Thủ đô với nhà đầu tư chiến lược trong các dự án phức hợp hoặc nhóm dự án có quy mô lớn được đầu tư thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư.

Chương V

LIÊN KẾT, PHÁT TRIỂN VÙNG THỦ ĐÔ

Điều 42. Vùng Thủ đô

1. Chính quyền địa phương trong Vùng Thủ đô có trách nhiệm thực hiện liên kết chặt chẽ để huy động đa dạng các nguồn lực hỗ trợ các hoạt động, dự án liên kết vùng, tận dụng nội lực và ngoại lực của các địa phương trong vùng, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh vùng, bảo đảm phát triển kinh tế - xã hội vùng bền vững, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của Nhân dân trong Vùng Thủ đô.

2. Thủ đô Hà Nội có vai trò trung tâm trong Vùng Thủ đô và có thẩm quyền sau đây:

a) Chủ trì điều phối thực hiện và quản lý quy hoạch Vùng Thủ đô, Vùng Đồng bằng Sông Hồng sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt;

b) Phê duyệt, thực hiện và huy động các nguồn lực để thực hiện các dự án đầu tư trong Vùng Thủ đô hoặc dự án đầu tư tại các tỉnh khác trong Vùng.

Điều 43. Nguyên tắc phối hợp

1. Tuân thủ Hiến pháp, Luật Thủ đô và các luật, nghị quyết của Quốc hội có quy định liên quan đến cơ chế, chính sách phát triển kinh tế, xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh của Vùng Thủ đô.

2. Đồng thuận, bình đẳng, công khai, minh bạch phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Thực hiện phối hợp thông qua các kế hoạch, chương trình, dự án được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

4. Việc chủ trì tổ chức thực hiện công tác phối hợp được giao cho bộ, ngành, địa phương có chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn liên quan hoặc chịu tác động nhiều nhất đến lĩnh vực, nhiệm vụ cần phối hợp.

5. Những vấn đề không đạt được sự đồng thuận hoặc vượt thẩm quyền quyết định của các bộ, ngành và địa phương trong Vùng Thủ đô thì căn cứ đề nghị của Hội đồng điều phối vùng, Chủ tịch Hội đồng điều phối Vùng Thủ đô báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 44. Lĩnh vực phối hợp của Vùng Thủ đô

Lĩnh vực phối hợp của Vùng Thủ đô là tất cả các lĩnh vực kinh tế, xã hội, trong đó ưu tiên các lĩnh vực trọng tâm sau:

1. Quy hoạch xây dựng;
2. Bảo tồn và phát triển văn hóa, lịch sử, du lịch;
3. Phát triển y tế, giáo dục và đào tạo;
4. Phát triển khoa học và công nghệ;
5. Quản lý và bảo vệ môi trường, phòng chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu;
6. Quản lý đất đai;
7. Quản lý dân cư và phát triển, quản lý nhà ở;
8. Phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật;
9. Phát triển và quản lý hệ thống giao thông vận tải;
10. Xây dựng đô thị thông minh.

Điều 45. Ưu tiên đầu tư phát triển Vùng Thủ đô

1. Ngân sách trung ương hỗ trợ một phần cho các tỉnh, thành phố thuộc Vùng Thủ đô để thực hiện công tác bồi thường giải phóng mặt bằng, tái định cư cho các công trình, dự án trọng điểm của Vùng.

2. Ưu tiên huy động nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức, vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài để thực hiện các công trình, dự án trọng điểm của Vùng Thủ đô.

3. Các tỉnh, thành phố thuộc Vùng Thủ đô có trách nhiệm ưu tiên bố trí ngân sách địa phương để triển khai thực hiện các công trình, dự án trọng điểm của Vùng trên địa bàn của mình.

4. Ưu tiên tổng hợp các công trình, dự án trọng điểm của Vùng Thủ đô vào danh mục dự án kêu gọi đầu tư của các chương trình xúc tiến đầu tư quốc gia.

5. Các bộ, ngành và các tỉnh, thành phố thuộc Vùng Thủ đô ưu tiên bố trí nguồn vốn để thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư theo phương thức đối tác công tư (PPP) cho các công trình, dự án trọng điểm của Vùng.

6. Miễn tiền thuê đất cho toàn bộ thời gian của dự án đối với các công trình, dự án trọng điểm của Vùng Thủ đô thuộc lĩnh vực y tế, giáo dục - đào tạo, quản lý và bảo vệ môi trường được đầu tư toàn bộ từ nguồn vốn xã hội hóa. Việc miễn tiền thuê đất đối với các dự án trọng điểm của Vùng Thủ đô thuộc lĩnh vực y tế, giáo dục - đào tạo, quản lý và bảo vệ môi trường thực hiện theo quy định của Chính phủ về chính sách xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực y tế, giáo dục - đào tạo và môi trường.

Thủ tướng Chính phủ quyết định danh mục dự án cụ thể sau khi Hội đồng điều phối Vùng Thủ đô có ý kiến.

Điều 46. Thành phần Hội đồng điều phối Vùng Thủ đô

1. Hội đồng điều phối Vùng Thủ đô gồm các thành viên sau:

a) Chủ tịch Hội đồng: Thủ tướng Chính phủ;

b) Phó Chủ tịch Thường trực: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội;

c) Phó Chủ tịch: Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ trưởng Bộ Xây dựng;

d) Ủy viên Thường trực: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội;

đ) Các Ủy viên: Thứ trưởng và tương đương của các bộ và cơ quan ngang bộ: Tài chính; Công Thương; Giao thông vận tải; Xây dựng; Y tế, Giáo dục và Đào tạo; Ngoại giao; Công an, Quốc phòng; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Khoa học và Công nghệ; Tài nguyên và Môi trường; Thông tin và Truyền thông; Lao động - Thương binh và Xã hội; Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Nội vụ; Tư pháp; Văn phòng Chính phủ; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh: Bắc Ninh; Hưng Yên; Hà Nam; Hòa Bình; Phú Thọ; Bắc Giang; Vĩnh Phúc; Hải Dương; Thái Nguyên;

e) Thường trực Hội đồng điều phối vùng gồm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và Ủy viên Thường trực.

2. Hội đồng điều phối Vùng Thủ đô có chức năng tham mưu, thực hiện việc điều phối, kiểm tra, giám sát thực hiện các hoạt động trong lĩnh vực, nội dung phối hợp của Vùng Thủ đô, công tác quy hoạch, kế hoạch, đầu tư và xây dựng các cơ chế chính sách của vùng Thủ đô quy định tại Luật này.

Điều 47. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng điều phối Vùng Thủ đô

1. Hội đồng điều phối Vùng Thủ đô có chức năng tham mưu, thực hiện việc điều phối, kiểm tra, giám sát thực hiện các hoạt động trong lĩnh vực, nội dung phối hợp của Vùng Thủ đô quy định tại Luật này.

2. Hội đồng điều phối Vùng Thủ đô có nhiệm vụ xây dựng, đề xuất với Thủ tướng Chính phủ các cơ chế, chính sách, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án, nhiệm vụ phát triển bền vững Vùng Thủ đô, dự án trọng điểm có quy mô vùng và có tính chất liên kết vùng, trong đó có:

a) Quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, các quy hoạch khác có liên quan trên địa bàn Vùng Thủ đô thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; theo dõi và có ý kiến trong quá trình điều chỉnh quy hoạch của các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong Vùng, quy hoạch chung xây dựng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2050;

b) Nội dung phát triển vùng và các tỉnh, thành phố trong vùng Thủ đô trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm và hằng năm;

c) Danh mục các chương trình, dự án trọng điểm có quy mô vùng và tính chất liên kết Vùng Thủ đô ưu tiên đầu tư trong từng thời kỳ. Hội đồng điều phối vùng có ý kiến đối với các công trình, dự án thuộc lĩnh vực y tế, giáo dục - đào tạo, quản lý và bảo vệ môi trường được đầu tư toàn bộ từ nguồn vốn xã hội hóa trên cơ sở đề xuất của các bộ, ngành, địa phương trước khi trình Thủ tướng Chính phủ quyết định danh mục cụ thể;

d) Phương án huy động nguồn lực, phương án phân bổ vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước đối với các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong Vùng Thủ đô; kế hoạch đầu tư công trung hạn, hằng năm đối với các dự án trọng điểm có quy mô vùng và tính chất liên kết Vùng Thủ đô;

đ) Phương án huy động nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài để thực hiện các chương trình, dự án đầu tư trong Vùng Thủ đô;

e) Các nguồn lực hỗ trợ từ thành phần kinh tế trong nước và quốc tế khác cho hoạt động liên kết vùng và phát triển bền vững Vùng Thủ đô.

2. Giúp Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo điều phối, kiểm tra, giám sát thực hiện các hoạt động trong lĩnh vực, nội dung phối hợp Vùng Thủ đô.

3. Phối hợp với các bộ, cơ quan Trung ương trong xây dựng cơ chế tài chính hỗ trợ phát triển khu công nghiệp phụ trợ trong lĩnh vực điện, điện tử,

công nghệ thông tin; khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; cơ sở hạ tầng trong khu du lịch quốc gia; đổi mới sáng tạo.

4. Thông qua kế hoạch điều phối vùng hằng năm và 05 năm của Vùng Thủ đô; giải quyết các vấn đề về liên kết, phối hợp giữa các bộ với các tỉnh, thành phố trong Vùng Thủ đô và giữa các tỉnh, thành phố trong vùng trình Thủ tướng Chính phủ, Chính phủ, Quốc hội xem xét, quyết định những vấn đề cấp thiết vượt thẩm quyền và khả năng đối với các tỉnh, thành phố trong Vùng Thủ đô.

5. Hướng dẫn, hỗ trợ các địa phương trong Vùng Thủ đô thực hiện các nội dung phối hợp, giải quyết những vấn đề liên tỉnh, thành phố thuộc thẩm quyền các địa phương trong vùng hoặc những vấn đề không đạt được sự đồng thuận; hoặc vượt thẩm quyền quyết định của các bộ, cơ quan Trung ương và địa phương trong vùng.

6. Chỉ đạo xây dựng cơ sở dữ liệu Vùng Thủ đô, tăng cường chia sẻ Thông tin giữa các tỉnh, thành phố trong Vùng Thủ đô và giữa các tỉnh, thành phố trong vùng với các bộ, ngành. Yêu cầu các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trong Vùng Thủ đô, các cơ quan tổ chức khác có liên quan cung cấp các văn bản, tài liệu, thông tin, số liệu báo cáo, giải trình các vấn đề liên quan (trong trường hợp cần thiết) để thực hiện nhiệm vụ của Hội đồng điều phối vùng.

7. Các nhiệm vụ, quyền hạn khác gồm:

a) Thông qua kế hoạch hoạt động của Hội đồng điều phối vùng; chỉ đạo, phối hợp với các bộ, ngành và các tỉnh, thành phố trong vùng tổ chức các hoạt động xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch, truyền thông của Vùng Thủ đô;

b) Thành lập các Tiểu ban điều phối ngành, lĩnh vực hoặc theo các tiểu Vùng (nếu cần thiết);

c) Phối hợp các bộ, cơ quan trung ương có ý kiến về đầu tư xây dựng các cơ sở giáo dục đào tạo, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, đào tạo nguồn nhân lực; đầu tư xây dựng và bố trí nhà ở, các công trình văn hóa, phúc lợi tại các khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất, cụm công nghiệp; giải quyết các tệ nạn xã hội, vấn đề an ninh trật tự, an toàn xã hội có tác động liên vùng hoặc quy mô cấp vùng;

d) Phối hợp với các bộ, cơ quan trung ương trong việc sử dụng lao động, hỗ trợ giới thiệu việc làm, hợp tác bố trí nguồn lao động và xử lý các vấn đề tranh chấp lao động (nếu có);

đ) Thúc đẩy, hỗ trợ hình thành và phát triển Hiệp hội doanh nghiệp và các Hiệp hội ngành hàng, Hiệp hội nghề nghiệp liên minh, liên hiệp hợp tác xã của toàn Vùng Thủ đô;

e) Quyết định sử dụng nguồn lực tài chính, nguồn lực khác được giao để thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng điều phối vùng;

g) Phối hợp với Thủ đô Hà Nội và các vùng kinh tế khác trong việc hợp tác phát triển kinh tế - xã hội có tính chất liên kết giữa các vùng;

h) Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

8. Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội chủ trì điều phối việc thực hiện và quản lý quy hoạch vùng Thủ đô, vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, vùng đồng bằng Sông Hồng (không bao gồm quy hoạch về quốc phòng - an ninh) sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Chương VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 48. Trách nhiệm của Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội và đại biểu Quốc hội

1. Quốc hội giám sát tối cao việc thi hành Luật Thủ đô và định kỳ 03 năm xem xét Báo cáo của Chính phủ về việc thi hành Luật Thủ đô.

Ủy ban thường vụ Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội, đại biểu Quốc hội trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình giám sát việc thi hành Luật này.

2. Trong trường hợp cần thiết, Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội yêu cầu Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội báo cáo về việc thi hành Luật Thủ đô.

Điều 49. Trách nhiệm của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ

1. Trách nhiệm của Chính phủ:

a) Ban hành các cơ chế, chính sách phù hợp với thẩm quyền nhằm điều chỉnh, bổ sung các quy định phù hợp giải quyết những bất cập phát sinh trong thực tiễn quản lý, phát triển Thủ đô.

b) Chỉ đạo các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương phối hợp với Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội và các tỉnh thuộc Vùng Thủ đô thực hiện các quy định của pháp luật về Thủ đô.

2. Hằng năm, Thủ tướng Chính phủ làm việc với Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, các tỉnh trong Vùng Thủ đô và các bộ, ngành có liên quan để đánh giá kết quả thi hành pháp luật về Thủ đô.

Điều 50. Trách nhiệm của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc

Chính phủ

1. Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội trong việc xây dựng chiến lược phát triển ngành, quy hoạch ngành, xây dựng văn bản quy phạm pháp luật có nội dung liên quan đến xây dựng, phát triển và quản lý Thủ đô; lấy ý kiến của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội khi xây dựng các dự án luật, dự thảo nghị quyết của Quốc hội có quy định liên quan đến các cơ chế, chính sách đặc thù quy định trong Luật Thủ đô.

2. Chủ động phối hợp với Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội khi triển khai xây dựng, thực hiện các chương trình, dự án đầu tư trên địa bàn Thủ đô để bảo đảm quản lý thống nhất theo quy hoạch.

3. Tham gia Hội đồng điều phối Vùng Thủ đô và tuân thủ nghiêm trách nhiệm di dời trụ sở theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

4. Chỉ đạo, hướng dẫn, thanh tra, kiểm tra các nội dung thuộc chức năng, quản lý nhà nước của Bộ, ngành mình khi đẩy mạnh phân quyền cho Thành phố.

Điều 51. Trách nhiệm của các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thuộc Vùng Thủ đô

1. Xây dựng chương trình, kế hoạch để phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có liên quan và các tỉnh, thành phố thuộc Vùng Thủ đô thực hiện các nội dung phối hợp quy định tại Luật này.

2. Phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ cơ quan thuộc Chính phủ có liên quan và tỉnh, thành phố thuộc Vùng Thủ đô nghiên cứu, đề xuất các chương trình, dự án trọng điểm của Vùng Thủ đô.

3. Cân đối nguồn vốn ngân sách địa phương để triển khai thực hiện các công trình, dự án hạ tầng kinh tế - xã hội trọng điểm của Vùng Thủ đô trên địa bàn của mình.

4. Xây dựng và cung cấp các thông tin, dữ liệu về kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội theo quy định tại Điều [...] của Luật này và công bố thông tin về các ngành, lĩnh vực trọng điểm của tỉnh, thành phố thuộc Vùng Thủ đô.

5. Hoàn thiện các cơ chế, chính sách nhằm cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, ban hành các biện pháp nhằm khuyến khích, hỗ trợ các thành phần kinh tế và thu hút các doanh nghiệp tham gia đầu tư vào các chương trình, dự án trọng điểm của Vùng Thủ đô.

Điều 52. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức và người dân Thủ đô

1. Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành các văn bản

để tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Luật này.

2. Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp chính quyền của thành phố Hà Nội trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình thực hiện các quy định của pháp luật về Thủ đô; **tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định của Luật Thủ đô** và chịu trách nhiệm về những vi phạm, yếu kém xảy ra trong công tác xây dựng, phát triển, quản lý và bảo vệ Thủ đô. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định của Luật Thủ đô.

2. Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm giám sát việc thi hành Luật Thủ đô; định kỳ xem xét báo cáo của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc thực hiện Luật Thủ đô.

3. Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm:

a) Phối hợp với cơ quan, tổ chức có liên quan bảo đảm cho hoạt động của các cơ quan trung ương, các hoạt động đối nội, đối ngoại quan trọng của Đảng và Nhà nước;

b) Tạo điều kiện để cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia có hiệu quả vào quá trình xây dựng, phát triển và bảo vệ Thủ đô;

c) Tham gia ý kiến về các dự án luật, dự thảo nghị quyết của Quốc hội có quy định liên quan đến các chính sách, cơ chế đặc thù quy định tại Luật này;

d) Hằng năm, báo cáo Chính phủ về việc thực hiện Luật Thủ đô.

4. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp của thành phố Hà Nội có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với các cấp chính quyền và huy động sự tham gia của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trên địa bàn Thủ đô trong việc xây dựng, phát triển và bảo vệ Thủ đô.

5. Cán bộ, công chức, viên chức của Thủ đô phải không ngừng học tập, rèn luyện để nâng cao trình độ, năng lực đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ; gương mẫu trong thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao; hướng dẫn, tạo điều kiện cho người dân thực hiện đúng quy định của pháp luật.

6. Người Nhân dân Thủ đô có trách nhiệm nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật, tích cực tham gia xây dựng chính quyền, nếp sống văn minh, thanh lịch, giữ gìn an ninh trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn Thủ đô.

Điều 53. Hiệu lực thi hành

1. Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày.....tháng.... năm 2025.

2. Luật Thủ đô số 25/2012/QH13 hết hiệu lực kể từ ngày Luật này có hiệu lực.

Điều 54. Quy định chuyển tiếp

1. Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân quận, thị xã, thành phố thuộc thành phố Hà Nội thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Luật này kể từ khi bắt đầu nhiệm kỳ ... 20... - 20....

2. Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân phường nhiệm kỳ 20... - 20... kết thúc nhiệm vụ vào ngày ... tháng ... năm 20...

Kể từ ngày ... tháng ... năm 20..., Ủy ban nhân dân phường thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Luật này. Trường hợp Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, thị xã, thành phố thuộc thành phố Hà Nội chưa bổ nhiệm được Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường thì Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường nhiệm kỳ 20... - 20... tiếp tục tổ chức thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân phường theo quy định của Luật này cho đến khi Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường mới được bổ nhiệm.

Văn bản của chính quyền địa phương ở phường nhiệm kỳ 2016 - 2021 được ban hành trước ngày 01 tháng 7 năm 2021, nếu chưa được cơ quan có thẩm quyền bãi bỏ thì vẫn được áp dụng.

Cơ quan có thẩm quyền bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân phường ban hành trước ngày 01 tháng 7 năm 2021 là Hội đồng nhân dân quận, thị xã, thành phố thuộc thành phố Hà Nội.

Người có thẩm quyền bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân phường ban hành trước ngày 01 tháng 7 năm 2021 là Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, thị xã, thành phố thuộc thành phố Hà Nội.

3. Việc tổ chức và hoạt động của chính quyền địa phương tại các quận, thị xã, thành phố thuộc thành phố Hà Nội, phường tại thành phố Hà Nội được thành lập kể từ ngày Luật này có hiệu lực thực hiện theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH15 và quy định khác của pháp luật có liên quan.

4. Chương trình, dự án đã hoàn thành thủ tục lập, thẩm định trước ngày Luật này có hiệu lực thì tiếp tục thủ tục trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định của pháp luật về đầu tư, đầu tư công.

5. Đối với dự án áp dụng loại hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao (BT) được ký kết theo quy định của pháp luật tại thời điểm ký hợp đồng BT trước ngày Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư có hiệu lực mà chưa hoàn thành việc thanh toán cho nhà đầu tư, thì việc sử dụng quỹ đất do Nhà nước quản lý thuộc trường hợp sắp xếp lại, xử lý tài sản công để thanh toán cho nhà đầu tư được thực hiện theo quy định sau đây:

a) Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội thực hiện thu hồi đất đối với các quỹ đất do Nhà nước quản lý thuộc trường hợp sắp xếp lại, xử lý tài sản công đã được xác định tại hợp đồng BT;

b) Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội thực hiện thủ tục đầu tư, quy hoạch xây dựng, giao đất, cho thuê đất theo quy định căn cứ vào hợp đồng BT đã ký kết và quy hoạch sử dụng đất đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Thời điểm thực hiện giao đất, cho thuê đất để thanh toán được thực hiện sau khi công trình, dự án BT được nghiệm thu và kiểm toán. Giá tính thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất được xác định tại thời điểm quyết định giao đất, cho thuê đất.

Luật này đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứ sáu thông qua ngày ... tháng 6 năm 2024.

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI

Vương Đình Huệ